BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Mai
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Mai
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Mai Mã SV: 1312401050

Lớp: QT1701K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. **Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp** (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.
- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán thanh toán tại cồng ty cổ phần HABECO Hải Phòng.
- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn tổ chức kế toán thanh toán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng.

2. **Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

- Số liệu về thực trạng kế toán thanh toán của công ty cổ phần HABECO Hải Phòng.

3. **Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

- Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng
- Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn – An lão – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Văn Hồng Ngọc

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức thanh toán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
Nguyễn Thị Thanh Mai	Văn Hồng Ngọc

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, có nhiều cố gắng trong quá trình sưu tầm tài liệu phục vụ cho đề tài tốt nghiệp.

- Thường xuyên liên lạc, trao đổi với giáo viên hướng dẫn về các vấn đề liên quan đến đề tài tốt nghiệp. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết vào thực tiễn trong các ví dụ của đề tài.

- Đảm bảo đúng tiến độ của bài viết theo quy định của Nhà trường, Khoa và giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):

- Khóa luận được chia thành 3 chương có bố cục và kết cấu rõ ràng, cân đối, hợp lý.

- Tác giả đã nêu được lý luận chung về công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán trong các doanh nghiệp; thực tiễn tại công ty Cổ phần HABECO Hải Phòng, có số liệu minh họa cụ thể.

- Tác giả đã đề xuất được một vài ý kiến về công tác tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty Cổ phần HABECO Hải Phòng. Các giải pháp có tính thực tiễn và khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: 10

Bằng chữ: Mười điểm

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Văn Hồng Ngọc

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP 2
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán 2
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua 4
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua 4
1.2.1.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua 5
1.2.1.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua 7
1.3.Nội dung kế toán thanh toán với người bán 8
1.3.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán 8
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán 9
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán 11
1.4.Sự cần thiết của tổ chức kế toán thanh toán với người mua,người bán 12
1.5.Nhiệm vụ của kế toán thanh toán với người mua, người bán 13
1.6.Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán 13
1.6.1.Hình thức Nhật ký chung 14
1.6.2. Hình thức Nhật ký –Sổ cái 16
1.6.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ 17
1.6.4. Hình thức Nhật ký- Chứng từ 17
1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính 19
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG 20
2.1.Khái quát chung vê công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG 20
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển 20
2.1.2.Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty 21
2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty cổ Phần HABECO HẢI PHÒNG 23
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng 27

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng 27
2.2.2.Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng 41
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG 56
3.1.Đánh giá thực trạng công ty kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng..... 56
3.1.1. Ưu điểm..... 56
3.1.2. Hạn chế..... 57
3.2.Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán 58
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán..... 58
3.4. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng..... 59
3.4.1. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi..... 59
3.4.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán 63
3.4.3. sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng 64
KẾT LUẬN..... 69
TÀI LIỆU THAM KHẢO 70

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT200/2014/TT-BTC 7

Sơ đồ 1.2:Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người mua theo TT 200/2014/TT-BTC 8

Sơ đồ1.3: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán (theo TT200/2014TT/BTC) 11

Sơ đồ1.4: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người bán theo TT200/2014/TT-BTC 12

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung 15

Sơ đồ1.6: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký –Sổ cái 16

Sơ đồ1.8: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ 18

Sơ đồ 1.9: trình tự ghi sổ kế toán theo hình kế toán trên máy vi tính 19

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG 21

Sơ đồ 2.2:Tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG 23

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi 61

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Trích Hóa đơn GTGT 0000068 năm 2016 30
Biểu 2.2: Trích Hóa đơn GTGT 0000085 năm 2016 32
Biểu 2.3: Trích giấy báo có năm 2016 33
Biểu 2.4: Trích giấy báo có Số 20 34
Biểu 2.5: Trích giấy báo có năm 2016 35
Biểu 2.6: Trích sổ nhật ký chung năm 2016 36
Biểu 2.7: Trích sổ cái năm 2016 37
Biểu 2.8: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua năm 2016 38
Biểu 2.9: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua năm 2016 39
Biểu 2.10: Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng năm 2016 40
Biểu 2.11: Trích HĐGTGT số 0000165 43
Biểu 2.12: Trích HĐGTGT số 0000166 44
Biểu 2.13: Trích ủy nhiệm chi năm 2016 46
Biểu 2.14: Trích giấy báo nợ năm 2016 47
Biểu 2.17: Trích sổ nhật ký chung năm 2016 50
Biểu 2.18: Trích sổ cái năm 2016 52
Biểu 2.19: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán năm 2016 53
Biểu 2.20: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán năm 2016 54
Biểu 2.21: Trích bảng tổng hợp thanh toán với ngươi bán năm 2016 55
Biểu 3.1: Báo cáo tình hình công nợ 62
Biểu 3.2: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. 62

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU	Ý NGHĨA
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TSCĐ	Tài sản cố định
3	BĐS	Bất động sản
4	TK	Tài khoản
5	TT-BTC	Thông tư Bộ tài chính
6	BCTC	Báo cáo tài chính
7	TSCĐHH	Tài sản cố định hữu hình
8	BHXH	Bảo hiểm xã hội
9	BHYT	Bảo hiểm y tế
10	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
11	CK	Chuyển khoản
12	TM	Tiền mặt
13	GBC	Giấy báo có
14	GBN	Giấy báo nợ
15	HĐ	Hóa đơn
16	PT, PC	Phiếu thu, phiếu chi

LỜI MỞ ĐẦU

Tình hình tài chính của Doanh nghiệp phản ánh tình hình hoạt động của Doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Phải xem xét tình hình tài chính để có thể tham gia ký kết các hợp đồng có đủ khả năng thanh toán để đảm bảo an toàn và hiệu quả cho doanh nghiệp. Nghiệp vụ thanh toán xảy ra ở cả quá trình mua hàng và tiêu thụ, vì vậy nó liên quan mật thiết đến các nghiệp vụ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của Doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Trong tình hình thế giới hiện nay, chính trị bất ổn, kinh tế khó khăn, giá cả leo thang, hàng sản xuất ra tiêu thụ kém. Do đó với doanh nghiệp, vốn để duy trì sự hoạt động sản xuất kinh doanh là vô cùng cần thiết. Đối với công ty cổ phần HABECO Hải phòng với hoạt động chủ yếu là sản xuất bia thì vấn đề vốn lại càng quan trọng, vì các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán. Giải quyết tốt vấn đề công nợ là một cách tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán là việc làm thực sự cần thiết có ý nghĩa.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: "Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty cổ phần HABECO Hải phòng" làm khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài phần mở đầu và kết luận đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Th.s Văn Hồng Ngọc, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinhh doanh trường đại học Dân lập Hải Phòng, các cô chú phòng tài chính kế toán của công ty cổ phần HABECO Hải phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Khái niệm thanh toán: Thanh toán đơn giản là thuật ngữ ngắn gọn mô tả viêc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên(các nhân hoặc công ty, tổ chức) sang một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

Phương thức thanh toán: Là cách thức thực hiện chi trả cho hợp đồng mua bán được sự thống nhất của bên bán và bên mua. Đối với thanh toán trong nước thông thường có 2 phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- Thanh toán trực tiếp: Saukhi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mai thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng(hàng đổi hàng)…

- Thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt: Tiền là phương tiện thực hiện trao đổi hàng hóa, đồng thời là việc kết thúc quá trình trao đổi. Lúc này tiền thực hiện chức năng phương tiện thanh toán.Thanh toán bằng tiền mặt là bên mua xuất tiền mặt ra khỏi quỹ trả trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa, dich vụ... Đây là hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên, hình thức này chỉ phù hợp với các loại hình giao dịch với số lượng nhỏ và đơn giản,bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở lên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng trong thanh toán với các nhà cung cấp nhỏ lẻ. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng
- Thanh toán bằng ngoại tệ
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng

- Thanh toán bằng vàng, bác, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá trị như tiền.

- ***Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt***: Là các quá trình tiền tệ thực hiện chức năng phương tiện lưu thông và phương tiện thanh toán không trực tiếp bằng tiền mặt mà thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản ở Ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bù trừ lẫn nhau giữa những người phải thanh toán và những người thụ hưởng. Thanh toán không dùng tiền mặt chỉ được phát triển và hoàn thiện trong nền kinh tế thị trường và được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực kinh tế tài chính đối nội cũng như đối ngoại. Sự phát triển rộng khắp cuat thanh toán không dùng tiền mặt hiện nay là do yêu cầu phát triển vượt bậc của nền kinh tế hàng hóa. Kinh tế hàng hóa phát triển càng caao, khối lượng hàng hóa trao đổi trong nước và ngoài nước càng lớn dần thì cần có những cách thức trả tiền thuận tiện, an toán và tiết kiệm.

Các hình thức cụ thể bao gồm: Thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ngân phiếu thanh toán, thanh toán bằng thư tín dụng, thanh toán bù trừ.

❖ *Ủy nhiệm chi*: Là một hình thức thanh toán khá phổ biến trong môi trường kinh tế các nước khi bắt đầu chuyển sang kinh tế thị trường. Ủy nhiệm chỉ là giấy ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước và một số thanh toán khác.

❖ *Ủy nhiệm thu*: Ủy nhiệm thu do người thụ hưởng lập gửi vào Ngân hàng phục vụ mình để thu tiền hàng đã giao hay dịch vụ đã cung ứng.

❖ *Các loại Séc* chuyển khoản, bảo chi, định mức, chuyển tiền do người mua phát hành để trả tiền hàng hóa,dịch vụ.

❖ *Ngân phiếu thanh toán*: Thực chất là một lệnh trả tiền đặc biệt của chủ sở hữu nào đó, việc trả tiền thực hiện theo đúng chứng từ thanh toán có tên Ngân phiếu thanh toán.

❖ *Thư tín dụng*: Khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để dảm bảo khả năng thanh toán tiền hàng cho bên bán. Khi giao hàng xong ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này đối với thanh toán trong nước được sử dụng ít, chủ yếu được sử dụng trong việc thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ.

❖ *Các loại thẻ thanh toán*: Thẻ thanh toán do Ngân hàng phát hành bán cho khách hàng sử dụng để trả tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản thanh toán khác, rút tiền mặt tại các Ngân hàng đại lý thanh toán hay các quầy rút tiền tự động.

❖ *Thanh toán bù trừ*: Áp dụng trong hai bên tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ lẫn nhau. Hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau theo định kì. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ ghi sổ và theo dõi.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi(trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

Phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu khồng đòi được.

Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ.

*** Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện heo nguyên tắc:**

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi

nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

+ Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng(bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ(trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế dích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tà khoản 131 áp dụng tỷ giá thực tế(là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lai khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong nhưng ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định(phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

1.2.1.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a)Chứng từ sử dụng

- ❖ Hợp đồng bán hàng
- ❖ Hóa đơn bán hàng (Hóa đơn GTGT)
- ❖ Phiếu xuất kho
- ❖ Giấy báo có
- ❖ Phiếu thu tiền

b)Sổ sách sử dụng

- ❖ Sổ nhật ký chung
- ❖ Sổ cái Tk 131,…
- ❖ Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- ❖ Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

c) Tài khoản sử dụng

❖ TK 131- Phải thu khách hàng

Kết cấu tài khoản 131:

Bên Nợ	**Bên Có**
-Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm , hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. -Số tiền thừa trả lại cho khách hàng. -Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ(trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).	-Số tiền khách hàng đã trả nợ. -Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. -Khoản giám giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại. -Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại -Số tiền chiết khấu thanh toán vàchiết khấu thương mại cho người mua. -Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ(trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam)
Số Dư Nợ: -Số tiền còn phải thu của khách hàng	**Số Dư Có:** -Số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể

1.2.1.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT200/2014/TT-BTC

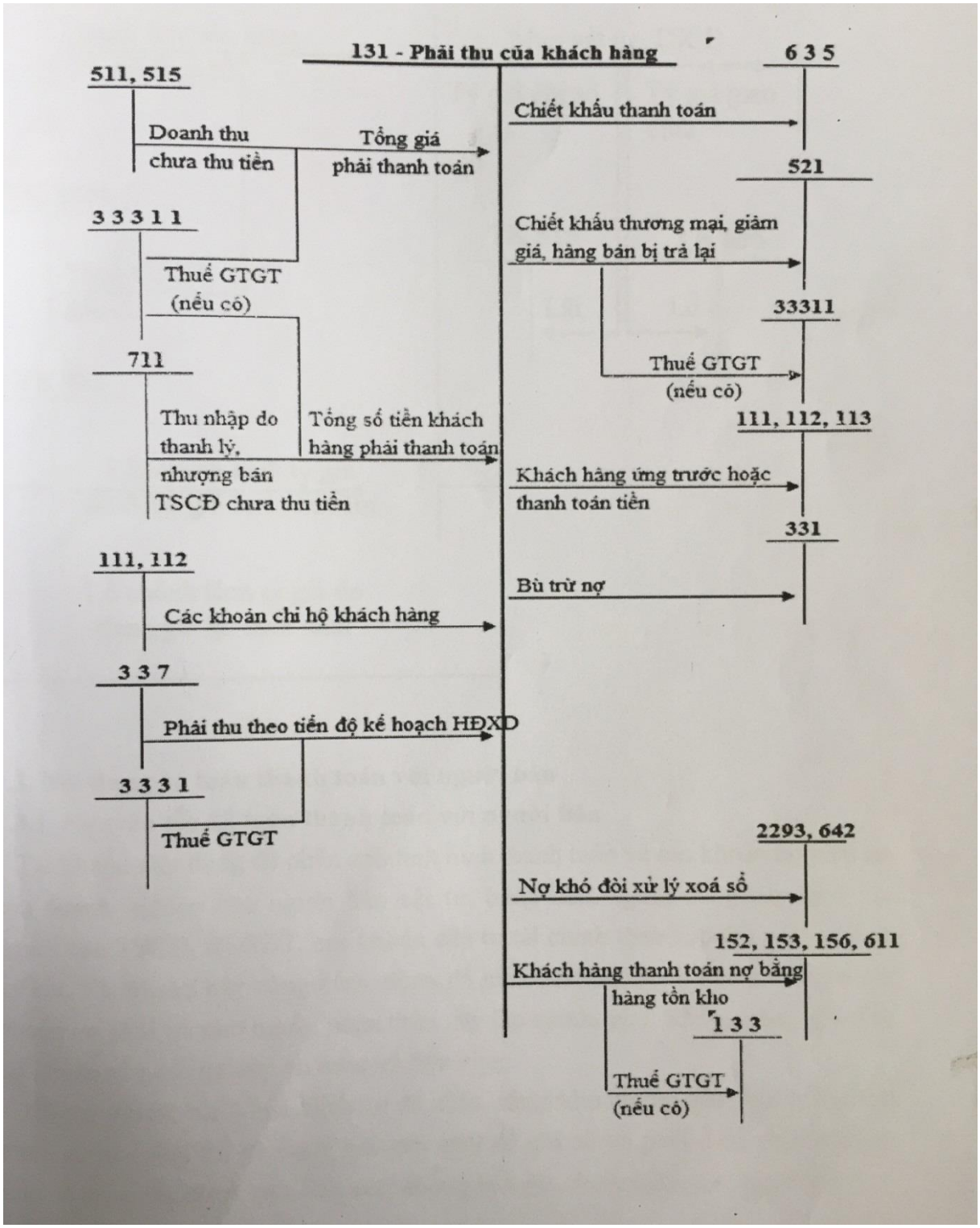

Sơ đồ 1.2:Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người mua theo TT 200/2014/TT-BTC

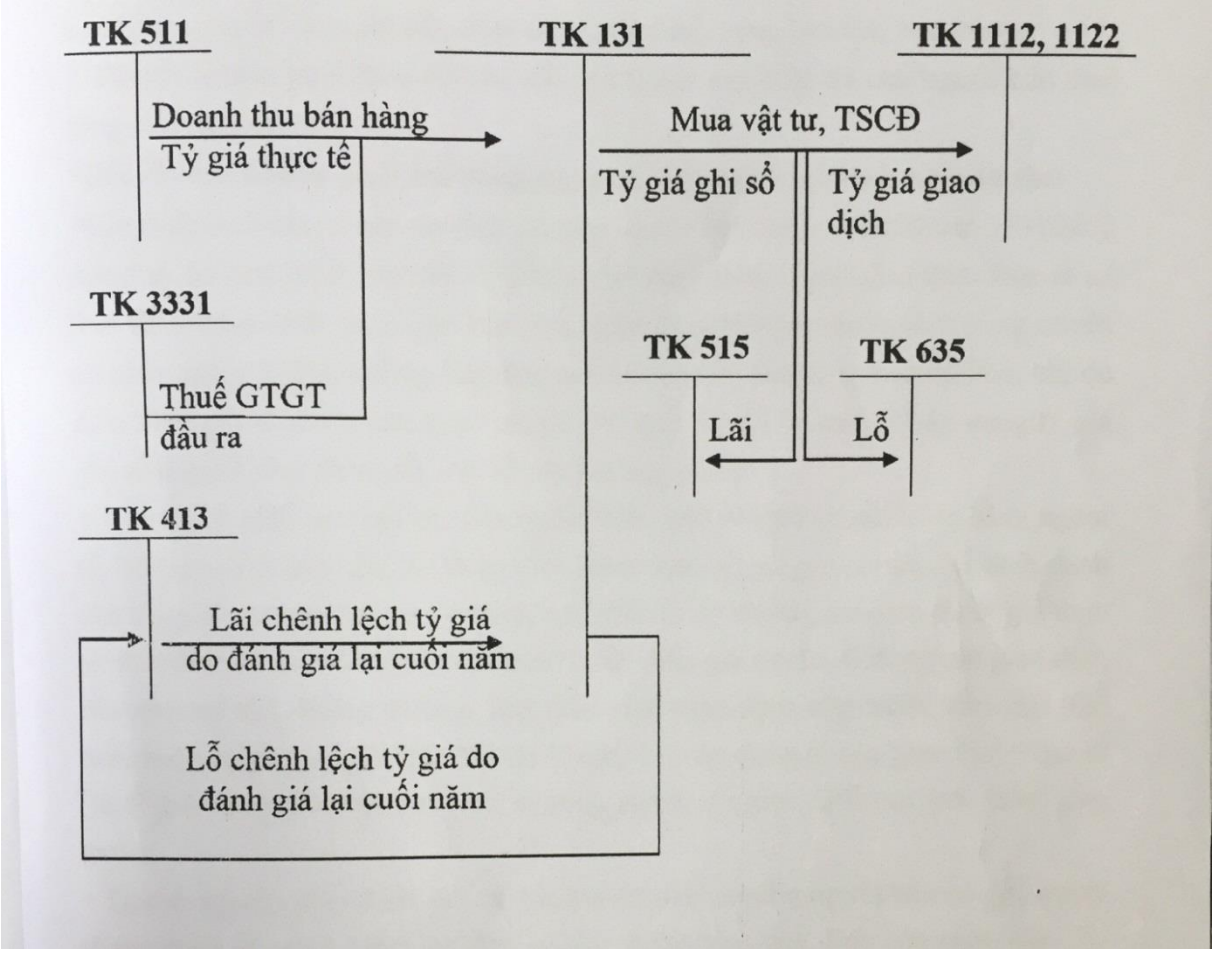

1.3.Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1.Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tai khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ.

*** Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:**

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán(bên có Tk331) bằng ngoại tệ , kế toán phải quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh(là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán , khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

+ Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ,kế toán phải quy ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ(Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiên cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế(là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước.

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập thành báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính . Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) dể đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.

a)Chứng từ sử dụng

- ❖ Hợp đồng mua bán hàng hóa
- ❖ Phiếu nhập kho
- ❖ Phiếu chi
- ❖ Ủy nhiệm chi

b)Sổ sách sử dụng

- ❖ Sổ nhật ký chung
- ❖ Sổ cái Tk 331,…

- ❖ Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- ❖ Bảng tổng hợp số dư và số phát sinh Tk 331

c)Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 331: Phải trả người bán

Bên Nợ	**Bên Có**
-Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp. -Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao. -Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. -Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán. -Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả Lại cho người bán. -Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ(trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam)	-Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp. -Điều chính số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức. -Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
Số Dư Nợ -Phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết từng đối tượng cụ thể.	**Số Dư Có:** -Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

Sơ đồ1.3: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán (theo TT200/2014TT/BTC)

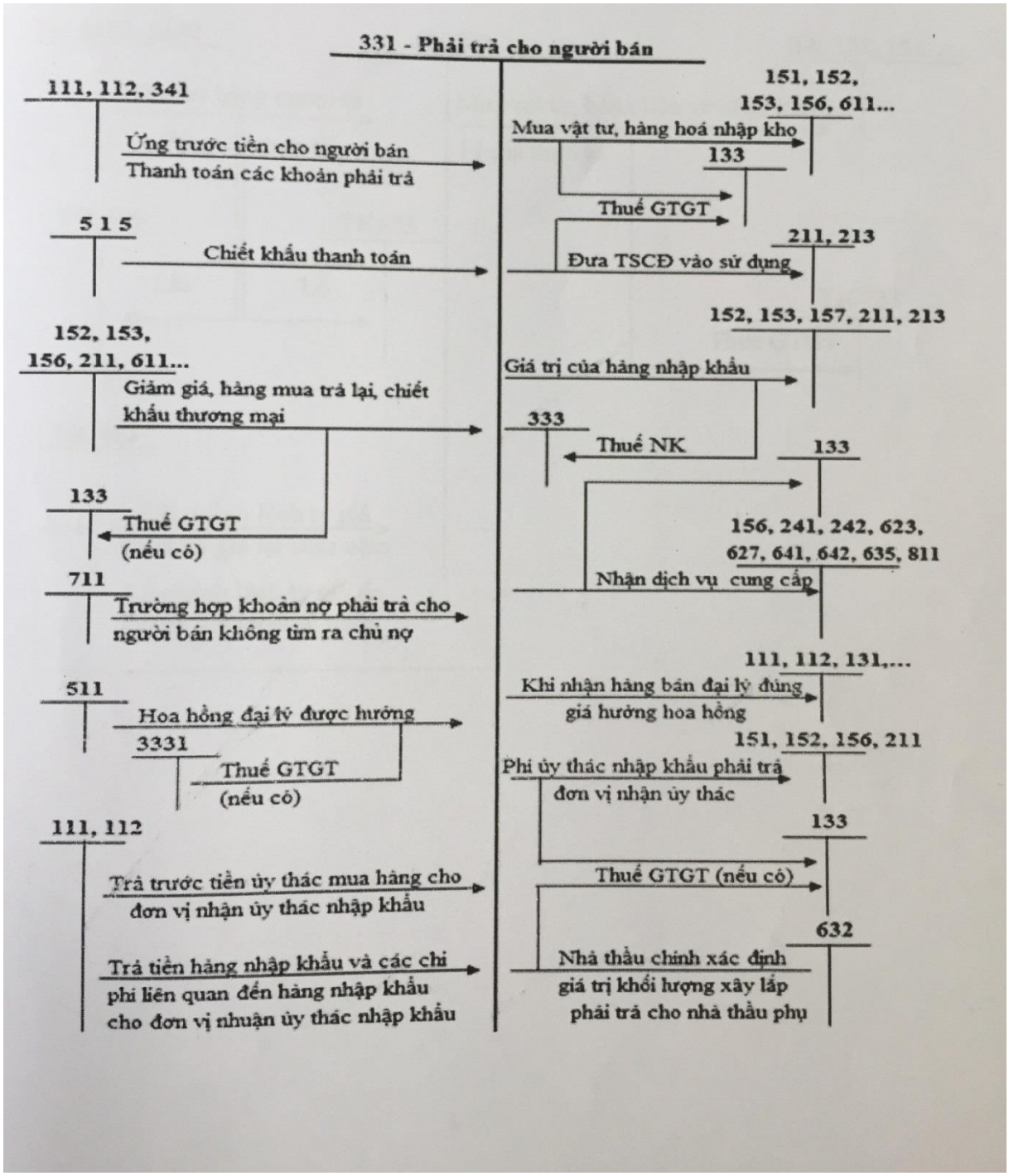

Sơ đồ1.4: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người bán theo TT200/2014/TT-BTC

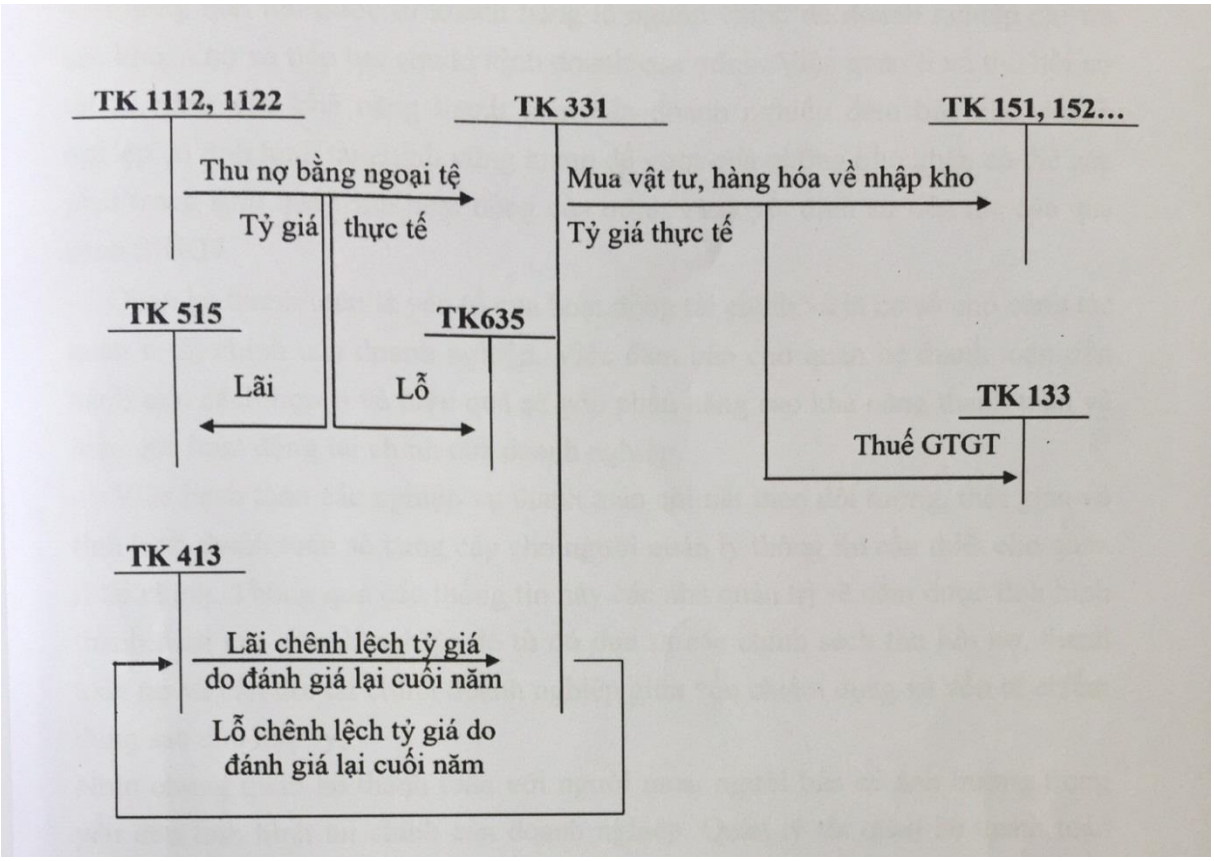

1.4.Sự cần thiết của tổ chức kế toán thanh toán với người mua,người bán

Luồng tiền thu được từ khách hàng là nguồn chính để doanh nghiệp chi trả các khoản nợ và tiếp tục chu kỳ kinh doanh của mình. Việc quản lý và thu hồi nợ tốt sẽ nâng cao khả năng thnah toán của doanh nghiệp đảm bảo cho doanh nghiệp có tình hình tài chính vững mạnh để vượt qua khó khăn có thể gặp phải trong suốt quá trình hoạt động của mình và quyết định sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh.

Quan hệ thanh toán là yếu tố của hoạt động tài chính và là cơ sở cho công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp. Việc đảm bảo cho quan hệ thanh toán tiến hành một cách hợp lý, hiệu quả sẽ góp phần nâng cao khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian, và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho người quản lý thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ,

thanh toán nợ và cân đối tài chính doanh nghiệp giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lí.

Nhìn chung quan hệ thanh toán với người mua, người bán có ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Quản lý tốt quan hệ thanh toán nay sẽ giúp doanh nghiệp đảm bảo tình hình tài chính của doanh nghiệp luôn ổn định và lành mạnh.

1.5.Nhiệm vụ của kế toán thanh toán với người mua, người bán

Tổ chức ghi chép nhằm theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ, từng thời gian, đôn đốc việc thanh toán kịp thời, tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

Đối với những khách nợ có giao dịch mua bán thường xuyên hoặc có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận nợ bằng văn bản.

Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán

Tổng hợp, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý.

Tổ chức hệ thống tài khoản,hệ thống sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp để phản ánh công nợ phải thu phải trả. Đồng thời cũng cần xây dựng nguyên tắc, quy trình kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp thanh toán với người mua, người bán sao cho khoa học và hợp lý, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định và chế độ.

1.6.Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC được ban hành ngày 22/12/2014 có hiệu lực từ 05/02/2015, áp dụng cho những năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015, doanh nghiệp được xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch đầy đủ. Trường hợp doanh nghiệp không tự xây dưng có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo phụ lục 04 ban hành theo thông tư 200.

Để tiến hành ghi chép sổ sách, kế toán tại doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán. Mỗi hình thức có hệ thống sổ sách riêng, các hình thức hạch toán riêng.

Sổ sách kế toán được vận dụng tương ứng với năm hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán máy.

1.6.1.Hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức này, tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đố lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Ưu điểm:

+ Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
+ Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
+ Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.

Nhược điểm:

+ Lượng ghi chép nhiều

Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

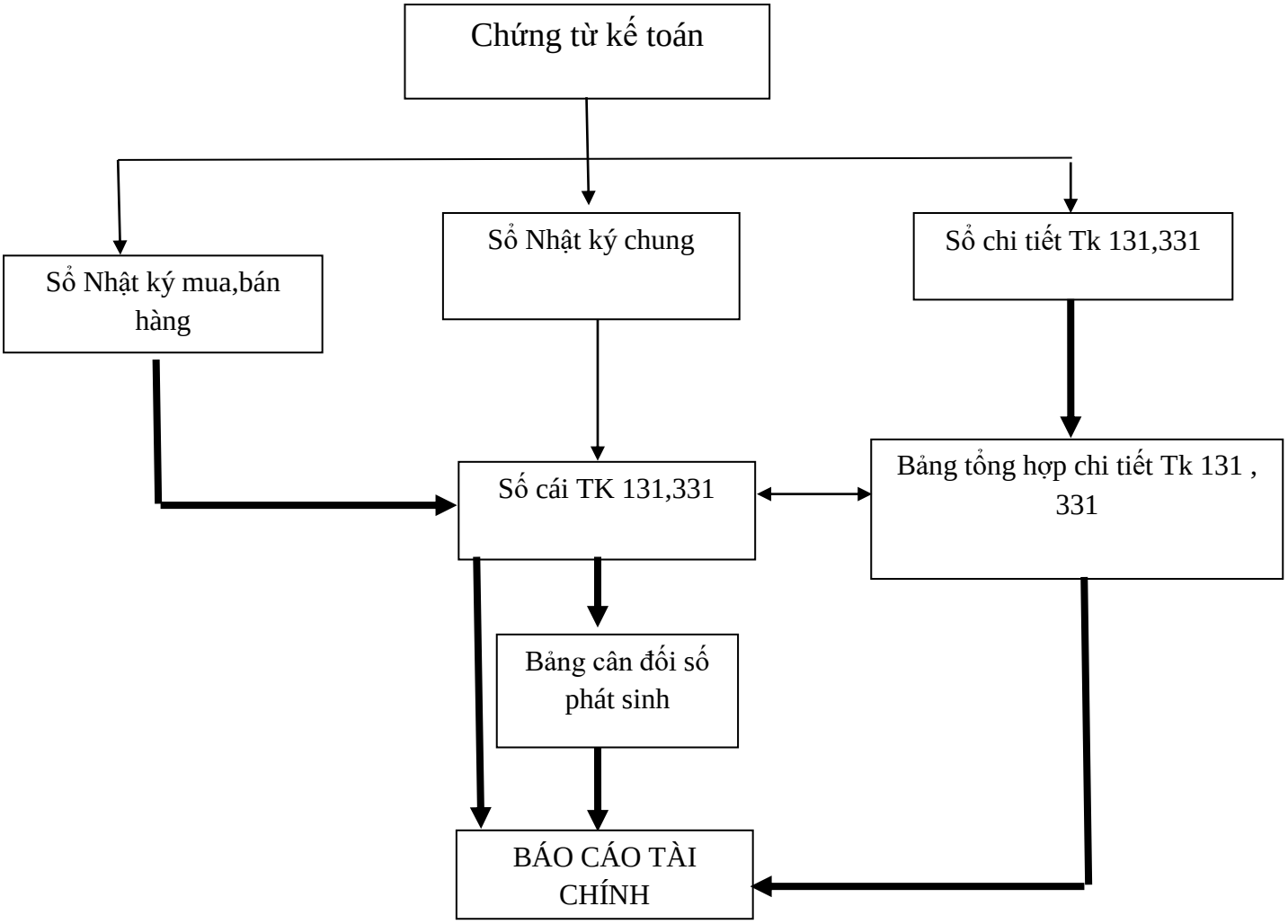

Ghi chú: Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối kỳ : ⟹

Quan hệ đối chiếu: ⟷

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký chung đặc biệ hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung đặc biệt liên quan. Định kỳ(3,5,10… ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số

liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối kỳ, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối.

Số phát sinh bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

1.6.2. Hình thức Nhật ký –Sổ cái

Hình thức Nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, trình độ các bộ phận quản lý và cán bộ kế toán không cao.

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký- Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký sổ cái.

Sơ đồ1.6: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký –Sổ cái

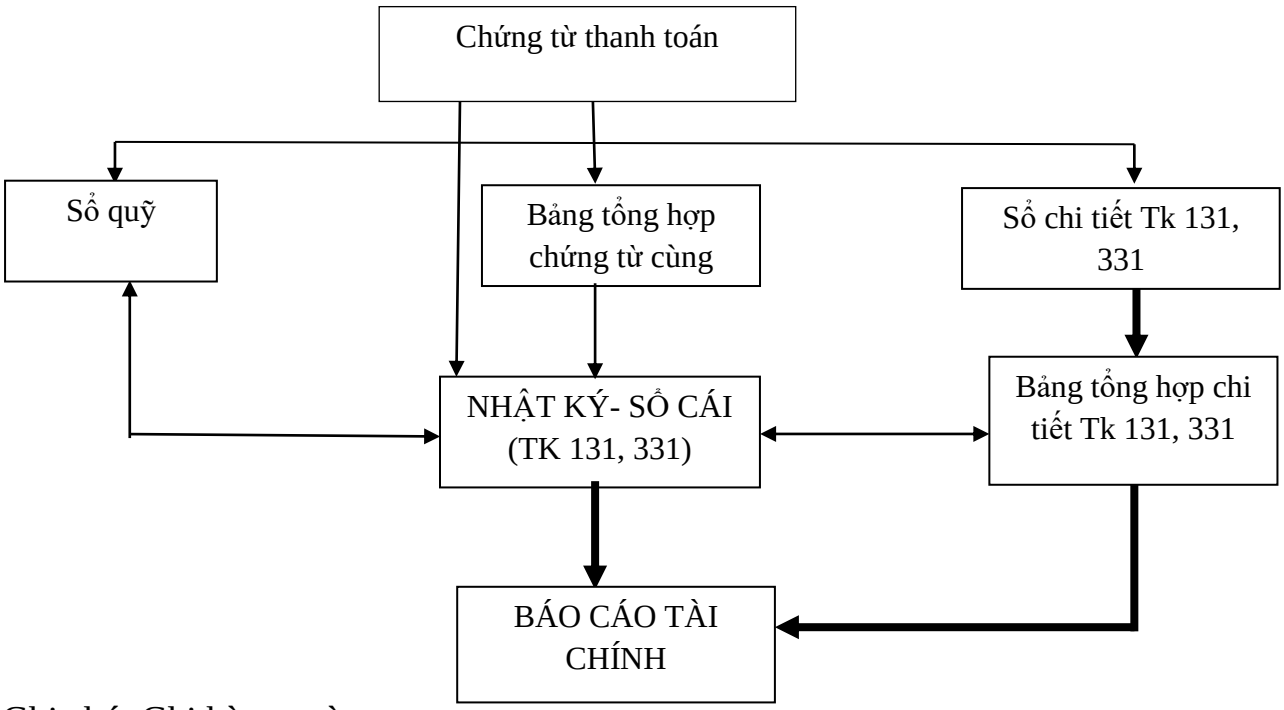

Ghi chú: Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

Quan hệ đối chiếu:

1.6.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

Căn cứ trực tiếp ghi sổ cái là các chứng từ ghi sổ. Theo hình thức này căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ ghi sổ, các chứng từ ghi sổ sau khi lập xong sẽ được xếp hàng vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để lấy số hiệu ngày tháng. Các chứng từ ghi sổ sau khi đăng kí lấy số hiệu cùng các chứng từ gốc đính kèm được kế toán trưởng duyệt sẽ là căn cứ ghi sổ.

Sơ đồ 1.7: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

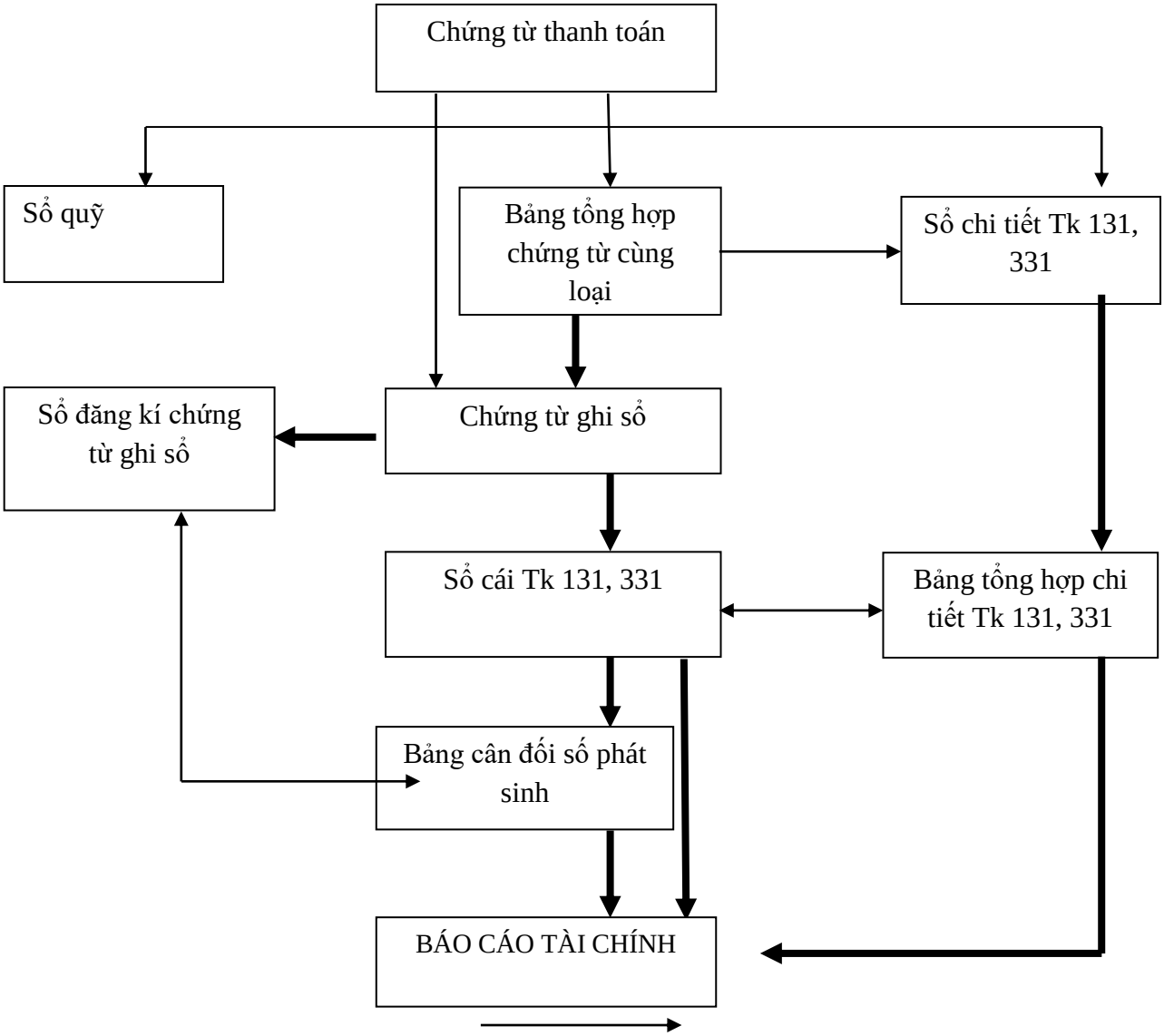

Ghi chú: Ghi hàng ngày:

Ghi định kỳ, cuối kỳ:

Quan hệ đối chiếu:

1.6.4. Hình thức Nhật ký- Chứng từ

Hình thức này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có quy mô lớn, trình độ cán bộ kế toán cao. Tuy nhiên việc vận dụng phần mềm đối với hình thức kế toán này là khó.

Theo hình thức này các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ, đồng thời kết hợp việc ghi chép theo trình tự thời gian với hệ thống hóa theo nội dung kinh tế cũng như giữa hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sơ đồ1.8: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ

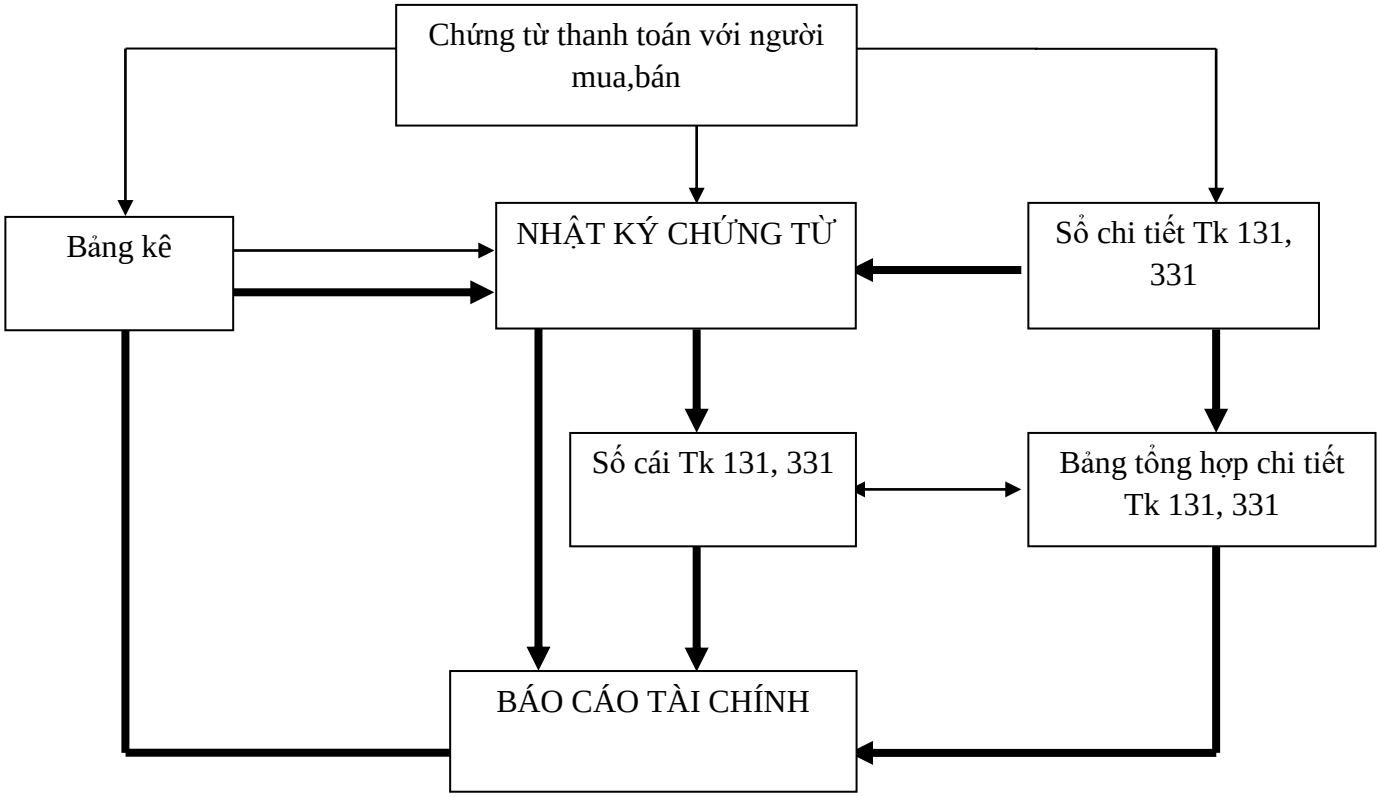

Ghi chú: Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

Quan hệ đối chiếu:

1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó. Đơn vị có thể thiết kế mẫu sổ không hoàn toàn giống sổ kế toán ghi bằng tay, tuy nhiên phải đảm bảo các nội dung theo quy định.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phầm mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái…) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng (hoặc vào bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Cuối kỳ kế toán sổ kế toán được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.9: trình tự ghi sổ kế toán theo hình kế toán trên máy vi tính

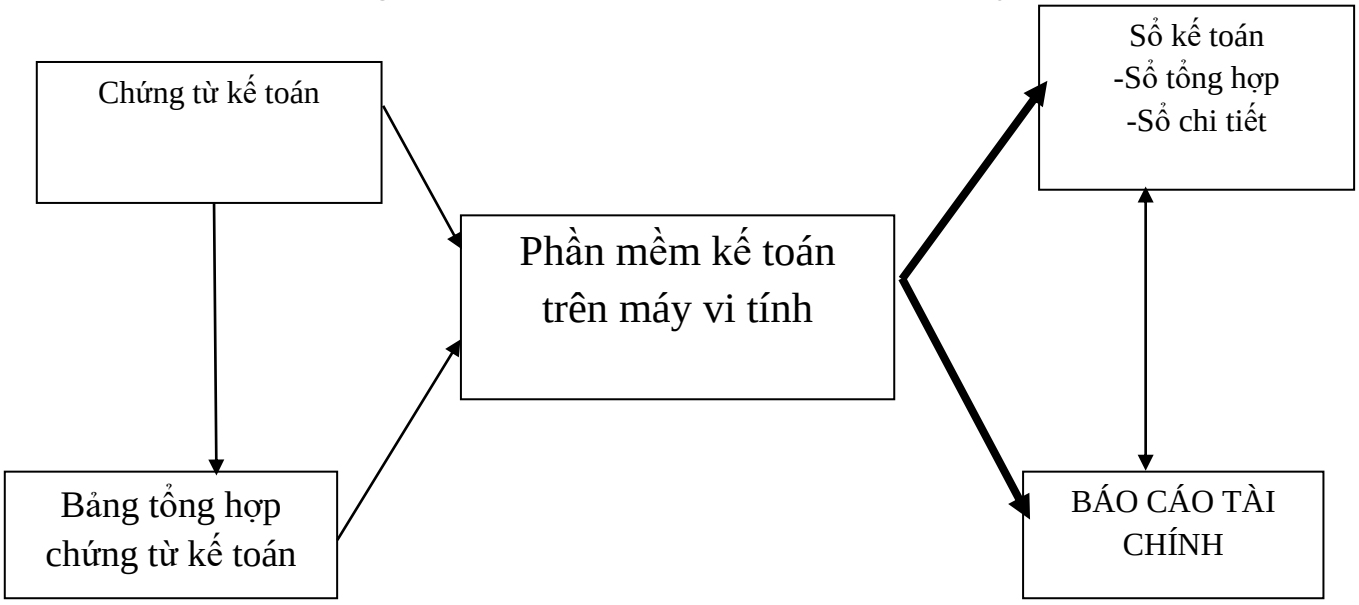

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày ⟶

In sổ, báo cáo cuối tháng ⟹

Đối chiếu, kiểm tra ⟷

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

2.1.Khái quát chung vê công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG

2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển

- **Tên tiếng việt:** CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG
- **Tên tiếng anh:** HABECO– HAI PHONG JOINT STOCK COMPANYY
- **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG
- **Tên viết tắt:** HHC
- **Tel:** 0313.667.163 Fax: 0313.667.189
- **Mã số thuế:** 0200761964
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Thị trấn Trường Sơn- An Lão- Hải Phòng
- **Ngành nghề chính:** Sản xuất bia
- **Đại diện pháp luật:** Đỗ Châu Tuấn
- **Tổng vốn đầu tư:** Ban đầu số vốn diều lệ là 90.000.000.000 đồng vào ngày 24/09/2007, đến ngày 26/04/2013 số vốn điều lệ tăng lên là 160.000.000.000 đồng.

Công ty cổ phần Habeco- Hải Phòng được thành lập theo quyết định số 227/BB-HABECO ngày 04/08/2007 của Tổng công ty bia – rượu – nước giải khát Hà Nội và hoạt động theo giấy đăng kí kinh doanh số 0203003491 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng kí lần đầu ngày 24/09/2007.

Ngày 21/12/2009, Công ty cổ phần HABECO – Hải Phòng với tư cách là chủ đầu tư của dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy bia Hà Nội tại Hải Phòng công suất 25 triệu lít /năm(giai đoạn 1), mở rộng 50 triệu lít /năm (giai đoạn 2)" đã chính thức làm lễ khởi công xây dựng Nhà máy bia Hà Nội tại thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Với sự chỉ đạo của UBND thành phố cùng với sự quyết tâm của Ban lãnh đạo Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội, dự án " Đầu tư xây dựng nhà máy Bia Hà Nội tại Hải Phòng " đã trải qua hơn một năm xây dựng và lắp đặt dây chuyền máy móc thiết bị. Đến tháng 05/2011 côn ty cổ phần HABECO Hải Phòng đã sản xuất ra nhưng chai bia đầu tiên mang thương hiệu Bia Hà Nội trên mảnh đất Trường Sơn- An Lão- Hải Phòng và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ ***Những thuận lợi của công ty cổ phần HABECO Hải Phòng***

Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng là công ty bia đầu tiên được xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng về bia chai Hà Nội. Thương hiệu bia chai Hà Nội có tiếng trên toàn nước vì vậy trụ sở công ty bia HABECO Hải Phòng là công ty uy tín sẽ được đông đảo người dân thành phố hải Phòng hoàn toàn đón nhận. Trụ sở công ty bia HABECO Hải Phòng đặt tại khu công nghiệp thị trận Trường Sơn tạo điều kiện sản xuất và vận tải hàng một cách dễ dàng qua các tỉnh thành khác. Với nguồn lực lao động trẻ dồi dào thuộc thị trấn Trường Sơn và các xã, tỉnh khác làm cho việc sản xuất nhà máy nhanh chóng có hiệu quả năng suất lao động.

❖ ***Những khó khăn của công ty cổ phần HABECO Hải Phòng***

Công ty mới thành lập nên gặp một số khó khăn về tiếp cận vốn. Nhu cầu thị trường nhiều cạnh tranh do có nhiều công ty bia trên thị trường.

2.1.2.Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG

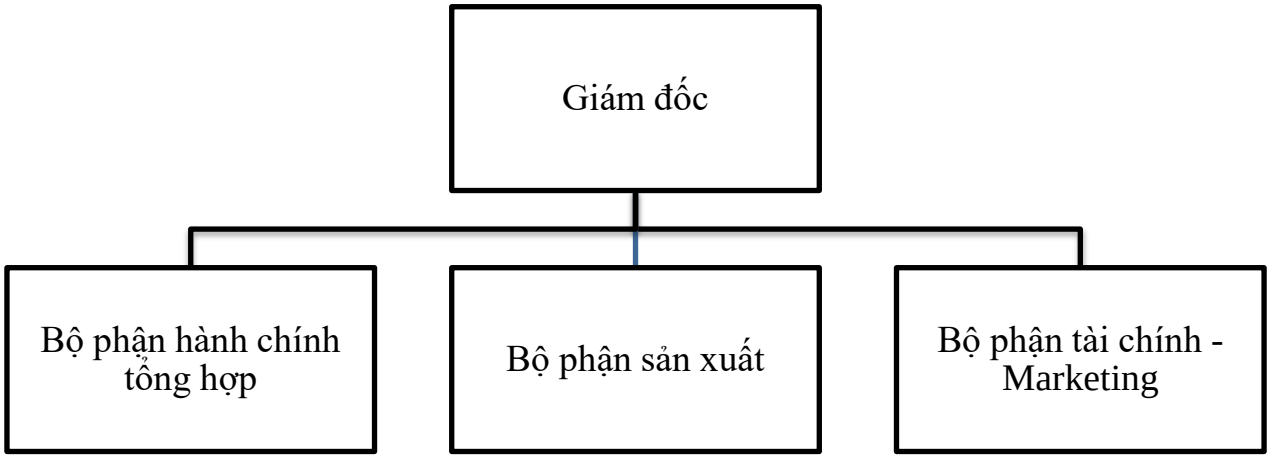

(Nguồn: bộ phận hành chính tổng hợp của công ty cổ phần HABECO Hải Phòng)

Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban

- **Giám đốc công ty**: Đỗ Châu Tuấn sinh ngày 07 tháng 08 năm 1962

- Là người đại diện pháp luật của công ty

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ dạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: quy hoạch, chiến lược kinh doanh……

- Là người có nhiệm vụ, quyền hạn tối cao trong công ty

- **Bộ phận hành chính tổng hợp:**

- Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động , quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế

độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

- Kiểm tra, đôn đốc các bô phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.
- Làm đầu mối lien lạc cho mọi thông tin của giảm đốc công ty

- **Bộ phận sản xuất:**

- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất chế tạo tại các phân xưởng
- Theo dõi tinh hình sản xuất của Công ty bảo đảm yêu cầu kĩ thuật
- Kiểm tra các mặt hàng mà Công ty thực hiện hoạt động xuất nhập
- Nghiên cứu cải tiến đổi mới thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đề xuất sản phẩm không phù hợp.
- Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng sản phẩm hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân không đạt để đưa ra biện pháp khắc phục.
- Chịu trách nhiệm quản lý, vận chuyển sản phẩm cho khách hàng
- Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng.

- **Bộ phận tài chính- Marketing:**

– **Bộ phận tài chính:**

✓ Công tác tài chinh kế toán.

✓ Công tác quản lí tài sản, nguồn vốn.

✓ Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

✓ Công tác quản lý chi phí và phân tích hoạt động kinh tế.

- **Bộ phận Marketing:**

✓ Nghiên cứu tiếp thị và thông tin, tìm hiểu sự thật ngầm hiểu của khách hàng.

✓ Lập hồ sơ thị trường và dự báo

✓ Khảo sát hành vi ứng sử của khách hàng tiềm năng.

✓ Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu.

✓ Phát triển sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm với các thuộc tinh mà thị trường mong muốn (thực hiện trước khi sản xuất sản phẩm, xây dựng nhà hàng……)

✓ Quản trị sản phẩm (chu kỳ sống sản phẩm): Ra đời, phát triển, bão hòa, suy thoái, và đôi khi hồi sinh.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược marketing như 4P: sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị; 4C: Nhu cầu, mong muốn, tiện lợi và thông tin. Đây là kỹ năng tổng hợp của toàn bộ quá trình trên nhằm kết hợp 4P và 4C .

2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty cổ Phần HABECO HẢI PHÒNG

a) Bộ máy kế toán

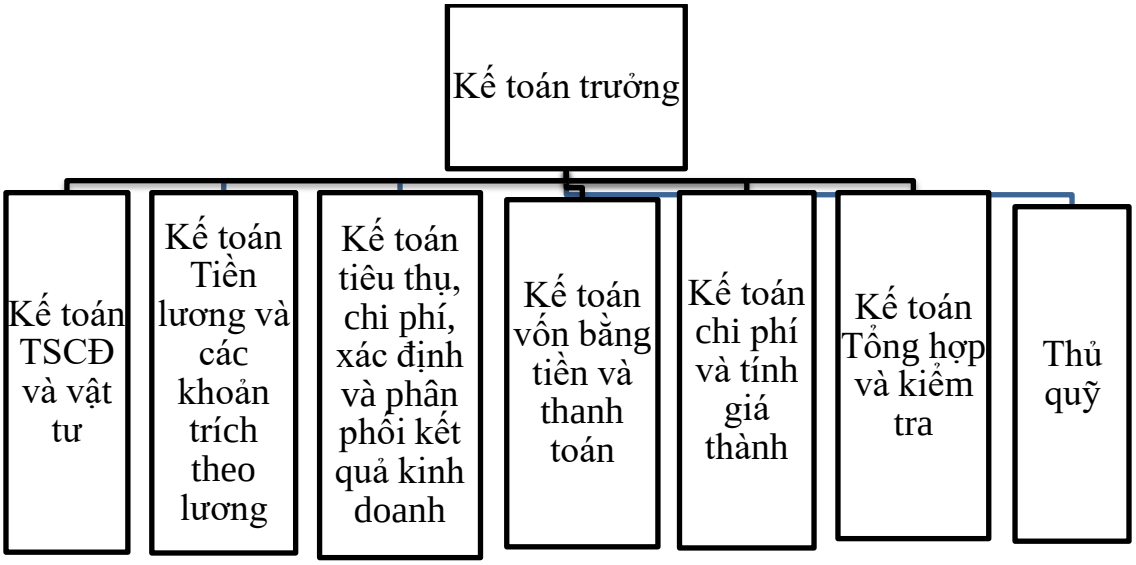

Sơ đồ 2.2:Tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG

(Nguồn: Bộ phận hành chính tổng hợp của công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG)

❖ **Kế toán trưởng:**

- Là người chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về việc tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác kế toán trong công ty. Kế toán có chức năng nhiệm vụ chỉ đạo chung đối với mọi hoạt động của bộ máy kế toán trong công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thường xuyên tham mưu giúp cho ban giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. Từ đó đề ra biện pháp xử lý.

❖ **Kế toán TSCĐ:**

Ghi chép, phản ánh chính xác số lượng, giá trị TSCĐHH hiện có. Tính toán phân bổ mức khấu hao TSCĐHH vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản và chế độ quy định.

❖ **Kế toán vật tư:**

Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời só hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật.Tính toán đúng giá vón thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tái chính và quản lý doanh nghiệp.

❖ **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:**

Ghi chép phản ánh kịp thời số lượng thời gian lao động, chất lượng sản phẩm, tính chính xác tiền lương phải trả cho người lao động. Tính chính xác số tiền BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí và thu từ thu nhập của người lao động. Lập báo cáo về lao động,tiền lương, BHXH, BHYT,KPCĐ.

❖ **Kế toán tiêu thụ, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh:**

- Phản ánh giảm đốc tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản và dự trữ hàng hóa, tình hình nhập xuất vật tư hàng hóa. Tính giá thực tế mua vào của hàng hóa đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ và bán hàng nhằm thúc đẩy nhanh tốc độ luân chuyển hàng hóa.
- Tổ chức tốt kế toán chi tiết vật tư hàng hóa theo từng loại từng thứ theo đúng số lượng và chất lượng hàng hóa. Kết hợp chặt chẽ giữa kế toán chi tiết với hạch toán nghiệp vụ ở kho, thực hiện đầy đủ chế độ kiểm kê hàng hóa ở kho. Xác định đúng đắn doanh thu bán hàng, thu đầy đủ thu kịp thời tiền bán hàng, phản ánh kịp thời kết quả mua bán hàng hóa. Tham gia kiểm kê và đánh giá lại vật tư, hàng hóa.

❖ **Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:**

Tổ chức tập hợp, kết chuyển hoặc phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất đã xác định và bằng phương pháp thích hợp .xác định đúng đắn trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ. Vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp để tính toán giá thành và giá thành đơn vị của đối tượng tính giá thành theo đúng khoản mục quy định và đúng kì tính giá thành sản phẩm đã xác định.

❖ **Kế toán tổng hợp:**

- Hạch toán các khoản chi phí, các khoản trích trước, các khoản phân bổ, các nghiệp vụ khác,
- Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.
- Lập BCTC, các báo cáo quản trị theo mẫu
- Thống kê và tổng hợp số liệu kế toán khi có yêu cầu
- Cung cấp số liệu cho ban giám độc hoặc các đơn vị chức năng khi có yêu cầu
- In sổ chi tiết và tổng hợp khối văn phòng, tổng hợp theo công ty theo quy định
- Tham gia phối hợp công tác kiểm tra, kiểm kê tại các đơn vị cơ sở
- Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định

❖ **Thủ quỹ:**

- Thực hiện việc kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.
- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán công ty
- Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp.
- Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt
- Chịu trách nhiệm lưu trữ chứng từ thu chi tiền
- Đảm bảo số dư tồn quỹ phục vụ kinh doanh và chi trả lương cho nhân viên bằng việc thông báo kịp thời số dư tồn quỹ cho kế toán tổng hợp.

b) Chính sách và hình thức kế toán áp dụng trong công ty

- **Chính sách kế toán áp dụng trong công ty**

+ Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

+ Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12

+ Đơn vị tiền tệ ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam(VND)

+ Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

+ Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng

+ Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ

+ Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền: Trong kỳ nếu có nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển sang VND thực tế tại ngày phát sinh theo tỷ giá thông báo của ngân hàng.

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì

- **Hình thức kế toán áp dụng tại công ty.**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của công ty theo hình thức Nhật ký chung

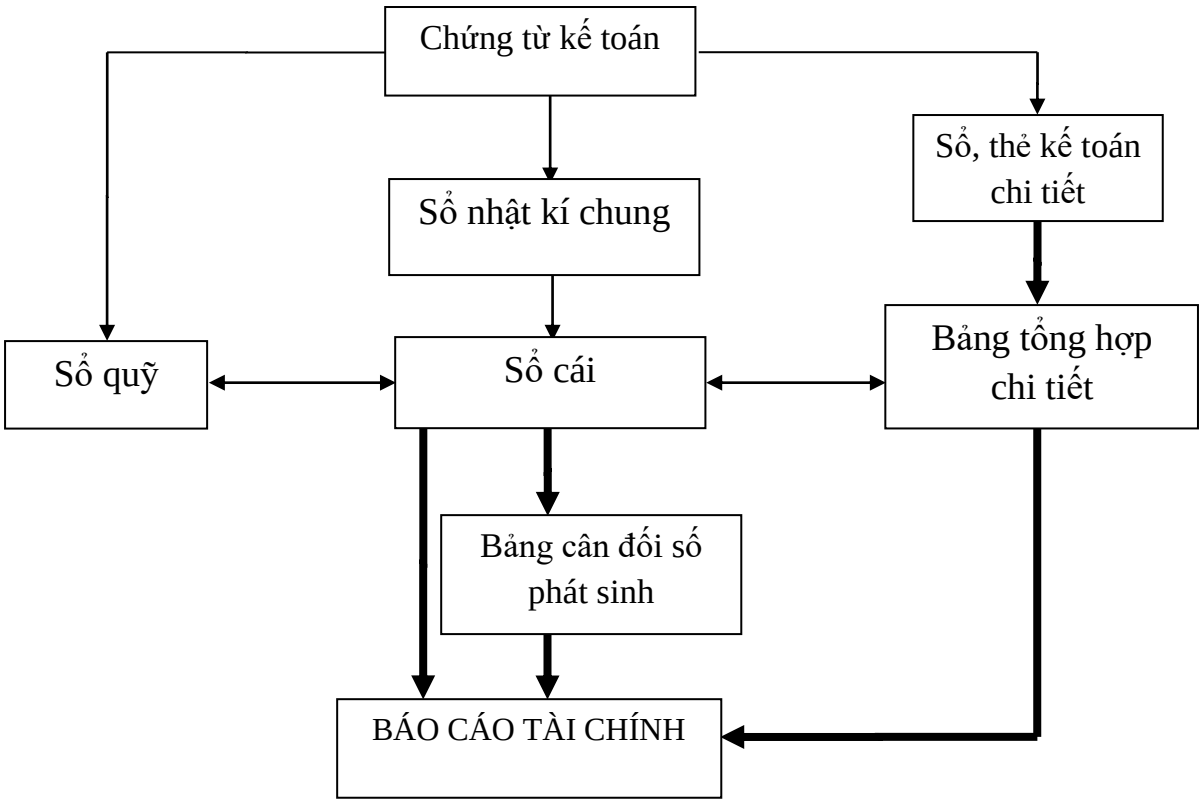

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ , thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung , các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

* **Đặc điểm về đối tượng thanh toán tại công ty**

– Về nhà cung cấp: là các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài

– Về khách hàng: là những công ty,đại lý bia trong nước

* **Các phương thức thanh toán và hình thức thanh toán**

– Phương thức thanh toán:gồm thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm

– Hình thức thanh toán:Gồm 2 loại cơ bản thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản để thanh toán với khách hàng thông qua giao dịch tại ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

- Chứng từ sử dụng:

+ Hợp đồng mua bán hàng
+ Hóa đơn GTGT
+ Phiếu xuất kho
+ Phiếu thu
+ Giấy báo có
+ Các chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng:

Tk 131: Phải thu của khách hàng

- Tài khoản chi tiết:

➢ Tk 1311: Phải thu ngắn hạn

- Tk 1311.01: Phải thu ngắn hạn của công ty Bia- Rượu-Nước giải khát Hà Nội
- Tk 1311.02: Phải thu ngắn hạn của công ty cổ phần Minh Châu

Tk 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tk 3331: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tk 111: Tiền mặt

Tk 112: Tiền gửi ngân hàng.

- Sổ sách sử dụng bao gồm:

+ Sổ nhật kí chung
+ Sổ cái Tk 131 và các tài khoản khác có liên quan
+ Sổ chi tiết thanh toán với người mua
+ Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

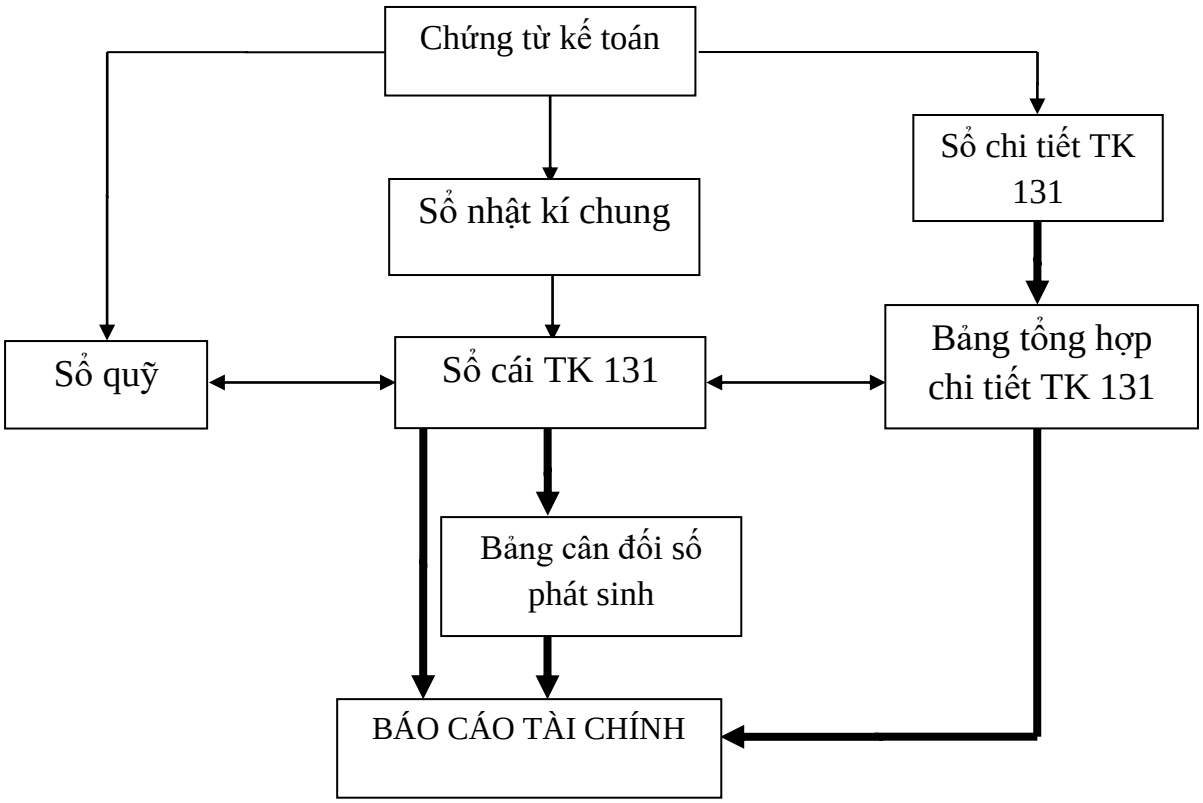

Ghi chú: Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

Quan hệ đối chiếu:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra,ghi chép vào sổ nhật kí chung. Sau đó, từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi chép vào sổ cái tài khoản. Cuối kì từ sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp chi tiết cho Tk 131. Đồng thời, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái tài khoản với bảng tổng hợp số dư và số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái Tk 131 và bảng tổng hợp số dư và số phát sinh Tk 131, cuối kì tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Kiểm tra số liệu trên sổ cái Tk 131 và bảng cân đối số phát sinh để lập các BCTC.

Ví dụ 1:Ngày 25/01/2016 công ty bán 1.000 két bia cho công ty cổ phần Ninh Ngân theo hóa đơn GTGT số 0000068, tổng giá thanh toán là 275.000.000đồng.Công ty cổ phần Ninh Ngânchưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000068 và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 275.000.000
Có TK 5111: 250.000.000
Có Tk 3331: 25.000.000

Biểu 2.1: Trích Hóa đơn GTGT 0000068 năm 2016

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG **Mẫu số: 01GTKT3/001**

Liên 3: Nội bộ **Ký hiệu: AA/13P**

Ngày 25 tháng 01 năm 2016 **Số: 0000068**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Mã số thuế: 0200761964

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn- An Lão- Hải Phòng

Họ và tên người mua:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN NINH NGÂN**

Mã số thuế:0700546398

Địa chỉ: 183 Hoàng Hóa Thám- Ba Đình- Hà Nội

Hình thức thanh toán:CK/TM…….,Số tài khoản…….

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Bia hơi Hà Nội	Két	1.000	250.000	250.000.000

	Cộng tiền hàng	250.000.000
Thuế suất GTGT 10% ,	Tiền thuế GTGT:	25.000.000
	Tổng tiền thanh toán :	275.000.000
Số tiền viết bằng chữ:	hai trăm bảy mươi năm triệu đồng	

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(ký,ghi rõ họ tên)	*(ký,ghi rõ họ tên)(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Ví dụ 2:Ngày 08/02/2016 công ty bán 2.000 két bia cho công ty cổ phần Minh Châu theo hóa đơn GTGT số 0000085

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000085 và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ theo định khoản sau:

Nợ TK 131: 550.000.000
Có TK 5111: 500.000.000
Có Tk 3331: 50.000.000

Biểu 2.2: Trích Hóa đơn GTGT 0000085 năm 2016

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 08 tháng 02 năm 2016

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

Số: 0000085

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**

Mã số thuế:0200761964

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn- An Lão- Hải Phòng

Họ và tên người mua:

Tên dơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH CHÂU**

Mã số thuế:0700557988

Địa chỉ: Số 100 Phan Đình Phùng- Cẩm Thượng- Hải Dương

Hình thức thanh toán:CK/TM…….,Số tài khoản…….

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6=4x5**
1	Bia hơi Hà Nội	Két	2.000	250.000	500.000.000

	Cộng tiền hàng	500.000.000
Thuế suất GTGT 10%	Tiền thuế GTGT:	50.000.000
	Tổng tiền thanh toán :	550.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(ký,ghi rõ họ tên)	*(ký,ghi rõ họ tên)*	*(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Ví dụ 3:Ngày 15/02/2016 công ty cổ phần Ninh Ngânthanh toán tiền hóa đơn số 0000068

Biểu 2.3: Trích giấy báo có năm 2016

Ngân hàng AGRIBANK Mã GDV:
Chi nhánh: thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng Mã KH:
Số GD: 17

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 15 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: **Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng**
Mã số thuế:0200761964
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi có:2112201021685
Số tiền bằng số: 275.000.000
Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn
Nội dung: **Công ty cổ phần Ninh Ngân thanh toán tiền hàng**

Giao dịch viên **Kiểm soát**

Ví dụ 4: Ngày 19/02/2016 công ty cổ phần Ninh Ngânđặt trước tiền hàng với số tiền 100.000.000 đồng .

Biểu 2.4: Trích giấy báo có Số 20

Ngân hàng AGRIBANK Mã GDV:
Chi nhánh: thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng Mã KH:
Số GD: 20

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 19 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: **Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng**
Mã số thuế:0200761964
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi có:2112201021685
Số tiền bằng số: 100.000.000
Số tiền bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn
Nội dung: **Công ty cổ phần Ninh Ngân đặt trước tiền hàng**

Giao dịch viên **Kiểm soát**

Ví dụ 5: Ngày 19/03/2016 công ty cổ phần Minh Châu thanh toán tiền hàng theo hóa đơn GTGT 0000085 bằng chuyển khoản.

Biểu 2.5: Trích giấy báo có năm 2016

Ngân hàng AGRIBANK Mã GDV:
Chi nhánh: thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng Mã KH:
Số GD:25

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 19 tháng 03 năm 2016

Kính gửi: **Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng**
Mã số thuế:0200761964
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi có:2112201021685
Số tiền bằng số: 550.000.000
Số tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng
Nội dung: **Công ty cổ phần Minh Châu thanh toán tiền hàng hóa đơn 85**

Giao dịch viên **Kiểm soát**

Biểu 2.6: Trích sổ nhật ký chung năm 2016

Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng
Địa chỉ:Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT:VNĐ

Ngày ,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
….	……	….	…….	…….	……	……..
14/01	PC014	14/01	Chi trả tiền mua văn phòng phẩm	642 133 1111	2.500.000 250.000	 2.500.000
....	……	....	….	…..	…..	……
25/01	HĐ68	25/01	Bán 1000 két bia cho công ty cổ phần Ninh Ngân	131 511 3331	275.000.000	 250.000.000 25.000.000
….	…….	….	…….	…….	…….	……..
08/02	HĐ85	08/02	Bán 2000 két bia cho công ty cổ phần Minh Châu	131 511 3331	550.000.000	 500.000.000 50.000.000
…	……..	…	…….	…….	…..	……
15/02	GBC17	15/02	Công ty cổ phần Ninh Ngânthanh toán HĐ0000068	112 131	275.000.000	 275.000.000
…	……	…	……	……	……	……
19/02	GBC20	19/02	Công ty cổ phần Ninh Ngân đặt trước tiền hàng	112 131	100.000.000	 100.000.000
.....	...	.....	.....	.....	.....	.....
19/03	GBC25	19/03	Công ty cổ phần Minh Châu thanh toán HĐ0000085	112 131	550.000.000	 550.000.000
…..	…..	…..	…..	…..	….	……
			Tổng cộng		**315.789.416.334**	**315.789.416.334**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Trích sổ cái năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản:Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị:VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**11.696.154.837**	
…..	…….	….	……	……..	……..	……
25/01	HĐ68	25/01	Bán 1000 két bia cho công ty cổ phần Ninh Ngân	511 3331	250.000.000 25.000.000	
…..	…..	…..	……	…..	…..	…..
08/02	HĐ85	08/02	Bán 2000 két bia cho công ty cổ phần Minh Châu	511 3331	500.000.000 50.000.000	
…	……	…….	…….	…….	…….	…….
15/02	GBC17	15/02	Công ty cổ phần Ninh Ngân thanh toán HĐ0000068	112		275.000.000
……..	….	……	…..	…..	…….	…..
19/02	GBC20	19/02	Công ty cổ phần Ninh Ngân đặt trước tiền hàng	112		100.000.000
…	….	…	….			
19/03	GBC25	19/03	Công ty cổ phần Minh Châu thanh toán HĐ0000085	112		550.000.000
……	….	….		…….	…….	…….
			Cộng số phát sinh		**39.679.815.304**	**10.348.567.121**
			Số dư cuối kì		**41.027.403.020**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Biểu 2.8: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng

Mẫu số S31-DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản:131

Đối tượng: Công ty cổ phần Ninh Ngân

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày,tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				**1.987.401.498**	
25/01	HĐ68	25/01	Bán 1000 két bia cho công ty cổ phần Ninh Ngân	511 3331	250.000.000 25.000.000		250.000.000 275.000.000	
….	….	….	….	…..	…..	….	…..	…..
15/02	GBC017	15/02	Công ty cổ phần Ninh Ngânthanh toán HĐ0000068	112		275.000.000		100.000.000
….	…..	…..	……	….	….	….	….	…..
19/02	GBC020	19/02	Công ty cổ phần Ninh Ngânđặt trước tiền hàng	111		100.000.000	175.000.000	
…….	……	……..	……	…..	……	…..	…..	…….
			Cộng số phát sinh		**3.784.133.779**	**1.569.736.981**		
			Số dư cuối kì				**4.201.798.296**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký,ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký,ghi rõ họ tên)

Biểu 2.9: Trích sổ chi tiết thanh toán với người mua năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng

Mẫu số S31-DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản:131

Đối tượng: Công ty cổ phần Minh Châu

Năm 2016

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày,tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				**246.784.195**	
…..	….	….	…..	…..	…..	….	….	……
08/02	HĐ0000085	08/02	Bán 2000 két bia cho công ty cổ phần Minh Châu	511 3331	500.000.000 50.000.000		500.000.000 550.000.000	
….	…..	…..	……	….	….	….	….	…..
19/03	GBC25	19/03	Công ty cổ phần Minh Châu thanh toán tiền hàng theo HĐ0000085	112		550.000.000	-	
…	…	…	….	…	…	…	…	…
			Cộng số phát sinh		**492.579.963**	**116.209.175**		
			Số dư cuối kì				**623.154.983**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

Địa chỉ:Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị:VNĐ

STT	Mã hàng	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	1311.01	Công ty cổ phần Ninh Ngân	1.987.401.498	0	3.784.133.779	1.569.736.981	4.201.798.296	
2	1311.02	Công ty cổ phần Minh Châu	246.784.195	0	492.579.963	116.209.175	623.154.983	0
..	…	…	…	…	…	…	…	…
		Tổng	**2.696.154.837**		**10.797.230.292**	**3.465.982.109**	**10.027.403.020**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký,ghi rõ họ tên) **(Ký,ghi rõ họ tên** **(Ký,ghi rõ họ tên)**

2.2.2.Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

Chứng từ bao gồm:

+ Hợp đồng kinh tế
+ Phiếu báo nợ
+ Hóa đơn GTGT
+ Ủy nhiệm chi
+ Phiếu kế toán
+ Biên bản thanh lý hợp đồng
+ ……

Tài khoản sử dụng:

– Tk 331- Phải trả người bán

Trong đó: Tk 3311: Phải trả ngắn hạn cho người bán

Tk 3311.01: Phải trả ngắn hạn cho công ty cổ phần sản xuất và thương mại Việt Cường.

Tk 3311.02: Phải trả ngắn hạn cho công ty thương mại Nhật Minh.

– Tk 111 - Tiền mặt
– Tk 112 - Tiền gửi ngân hàng
– Tk 152 – Nguyên vật liệu
– Tk 211 – Tài sản cố định hữu hình
– Tk 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
– Và các tài khoản khác liên quan.

Sổ sách kế toán sử dụng:

+ Nhật ký chung
+ Sổ Cái Tk 331 và các sổ khác có liên quan
+ Sổ chi tiết thanh toán với người bán
+ Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán.

Sơ đồ 2.5:Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán của công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

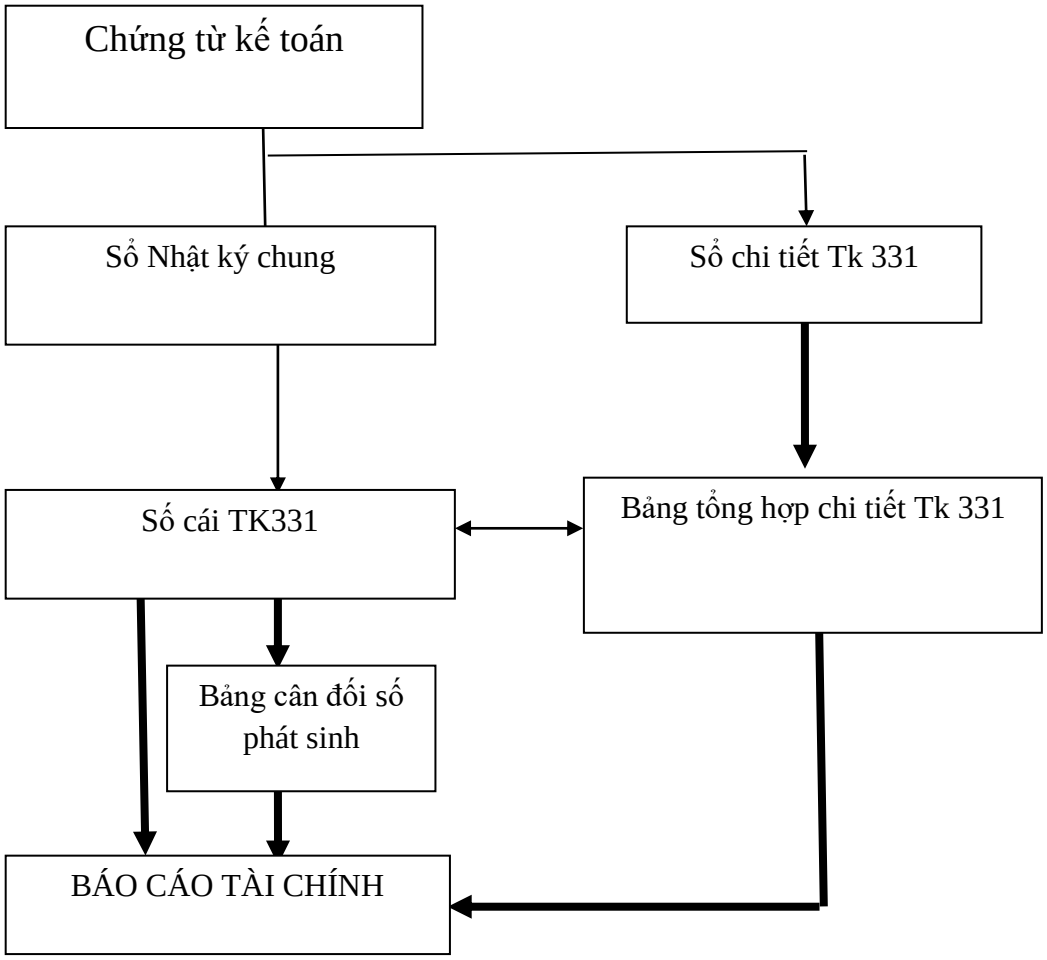

Ghi chú: Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

Quan hệ đối chiếu:

– Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra, kế toán tiền hành ghi chép vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết thanh toán với người bán. Sau đó từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản 331, 152, 211…

– Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để lập bảng tổng hợp phải trả người bán. Căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiêt 331 để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 6: Ngày 21/03/2016, nhập 1.000 nút chai của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Việt Cường về phục vụ sản xuất theo Hóa đơn GTGT số 0000165, công ty chưa thanh toán tiền hàng.

Biểu 2.11: Trích HĐGTGT số 0000165

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 (Giao cho người mua) Ngày 21 tháng 03 năm 2016	**Mẫusố:01GTKT3/001** **Kí hiệu:AA/14P** **Số: 0000165**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT CƯỜNG**
Mã số thuế:0200488412
Địa chỉ: Số 1,đường TS15,khu công nghiệp Tiên Sơn,Tiên Du,Bắc Ninh
Điện thoại:0241.3710082

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG**
Mã số thuế:0200761964
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn- An Lão- Hải Phòng
Hình thức thanh toán: CK/TM……,Số tài khoản……

STT	Tên HH, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Nút chai	Cái	6.000	3.200	19.200.000

Cộng tiền hàng	19.200.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT:	1.920.000
Tổng cộng tiền thanh toán	21.120.000

Số tiền bằng chữ: Hai mốt triệu một trăm hai mươi nghìn đồng

Người mua hàng	người bán hàng	Thử trưởng đơn vị
(ký,ghi rõ họ tên)	**(ký,ghi rõ họ tên)**	**(ký,ghi rõ họ tên)**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Ví dụ 7: Ngày 22/03/2016, mua Malt của công ty thương mai Nhật Minh về sản xuất sản phẩm với số lượng 1000 kg, đơn giá chưa có thuế là 250.000 đồng/kg theo HĐ GTGT 0000166, chưa thanh toán tiền hàng.

Biểu 2.12: Trích HĐGTGT số 0000166

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 (Giao cho người mua) Ngày 22 tháng 03 năm 2016				**Mẫusố:01GTKT3/001** **Kí hiệu:AA/14P** **Số: 0000166**	
Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY THƯƠNG MẠI NHẬT MINH** Mã số thuế:0200588149 Địa chỉ: Cầu Giấy –Hà Nội Điện thoại:0241.3710082					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG** Mã số thuế:0200761964 Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn- An Lão- Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK/TM……,Số tài khoản……					
STT	**Tên hàng hóa,dịch vụ**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6=4x5**
1	Malt	Kg	1000	250.000	250.000.000
Cộng tiền hàng					250.000.000
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT:			25.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					275.000.000
Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi năm triệu đồng					
Người mua hàng **(ký,ghi rõ họ tên)**		người bán hàng **(ký,ghi rõ họ tên)**		Thử trưởng đơn vị **(ký,ghi rõ họ tên)**	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Ví dụ 8: Ngày 17/05/2016, công ty chuyển khoản thanh toán tiền hàng theo HĐ số 0000165 cho công ty sản xuất và thương mại Việt Cường, số tiền 21.120.000. Công ty đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

Biểu 2.13: Trích ủy nhiệm chi năm 2016

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
AGRIBANK

ỦY NHIỆM CHI
Payment Order

Ngày 17 tháng 05 năm 2016

Liên 2: Khách hàng
Số bút toán:
Loại tiền:

Đơn vị trả tiền: Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG Số tài khoản: 2109201005152 Tại ngân hàng: NHNN&PTNN thị trấn Trường Sơn –An Lão- Hải Phòng Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Việt Cường CMT/Hộ chiếu:…….. Ngày cấp:…… Nơi cấp:…… Số tài khoản:2112201021685 Tại ngân hàng:NN &PTNN-Cầu Giấy- Hà Nội	Dành cho ngân hàng(For bank use only) Tài khoản ghi Nợ: 2109201005152 Tài khoản ghi Có: Số tiền bằng số: 21.120.000
Số tiền bằng chữ: Hai mươi mốt triệu một trăm hai mươi nghìn Nội dung: Trả tiền mua hàng theo hóa đơn 0000165	

Đơn vị trả tiền **Ngân hàng A** **Ngân hàng B**

Biểu 2.14: Trích giấy báo nợ năm 2016

Ngân hàng AGRIBANK Mã GDV:
Chi nhánh: thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng Mã KH:
Số GD:89

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 17 tháng 05 năm 2016

Kính gửi: **Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng**
Mã số thuế:0200761964
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi nợ: 2112201021685
Số tiền bằng số: 21.120.000
Số tiền bằng chữ: Hai mốt triệu một trăm hai mươi nghìn đồng.
Nội dung: **Thanh toán tiền hàng cho công ty cổ phần sản xuất và thương mại Việt Cường theo hoá đơn 0000165**

Giao dịch viên **Kiểm soát**

Ví dụ 9: Ngày 03/06/2016, công ty thanh toán tiền hàng theo HĐ 0000166 cho công ty thương mại Nhật Minh bằng chuyển khoản.

Biểu 2.15: Trích ủy nhiệm chi năm 2016

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn

AGRIBANK

ỦY NHIỆM CHI

Payment Order

Ngày 03 tháng 06 năm 2016

Liên 2: Khách hàng

Số bút toán:

Loại tiền:

Đơn vị trả tiền: Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG Số tài khoản: 2109201005152 Tại ngân hàng: NHNN&PTNN thị trấn Trường Sơn –An Lão- Hải Phòng Đơn vị thụ hưởng: Công ty thương mại Nhật Minh CMT/Hộ chiếu:…….. Ngày cấp:…… Nơi cấp:…… Số tài khoản:2112256950016 Tại ngân hàng:NN &PTNN-Cầu Giấy- Hà Nội	Dành cho ngân hàng(For bank use only) Tài khoản ghi Nợ: 2109201005152 Tài khoản ghi Có: Số tiền bằng số: 275.000.000
Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy năm triệu đồng Nội dung: Trả tiền mua hàng theo hóa đơn 0000166	

Đơn vị trả tiền **Ngân hàng A** **Ngân hàng B**

Biểu 2.16: Trích giấy báo nợ năm 2016

Ngân hàng AGRIBANK Mã GDV:
Chi nhánh: thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng Mã KH:
Số GD:95

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 03 tháng 06 năm 2016

Kính gửi: **Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng**
Mã số thuế:0200761964
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:
Số tài khoản ghi có: 2112201021685
Số tiền bằng số: 275.000.000
Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy năm triệu đồng
Nội dung: Thanh toán tiền hàng cho công ty thương mại Nhật Minh theo hoá đơn 0000166

Giao dịch viên **Kiểm soát**

Biểu 2.17: Trích sổ nhật ký chung năm 2016

Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng Mẫu số S03a-DN
Địa chỉ:Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

ĐVT:VNĐ

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
……	……	……	…..	…..	…..	……
25/01	HĐ0000068	25/01	Bán 1000 két bia cho công ty cổ phần Ninh Ngân	131 511 3331	275.000.000	 250.000.000 25.000.000
…….	…….	…….	…….	…….	…….	……..
14/02	GBC035	14/02	Công ty Bia-Rượu-Nước giải khát thanh toán HĐ0000068	112 131	275.000.000	 275.000.000
…….	…….	…….	…..	…….	…..	……
19/03	GBC046	19/03	Công ty cổ phần Minh Châu thanh toán HĐ0000085	112 331	550.000.000	 550.000.000
..	….	..	……..	……	……..	…..
21/03	HĐ00000165	21/03	Mua nút chai của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Việt Cường	152 1331 331	19.200.000 1.920.000	 21.120.000
22/03	HĐ0000166	22/03	Mua Malt của công ty thương mại Nhật Minh	152 1331 331	250.000.000 25.000.000	 275.000.000
…..	…..	…..	…..	…..	….	……
17/05	GBN089	17/05	Thanh toán tiền hàng cho công ty cổ phần sản xuất và thương mại việt cường	331 112	21.120.000	 21.120.000
……	….	……	……	……	…..	…..
03/06	GBN095	03/06	Thanh toán tiền hàng cho công ty thương mại Nhật Minh	331 112	275.000.000	 275.000.000
…….	……	…….	……	……..	……..	…….
			Tổng cộng		**315.789.416.334**	**315.789.416.334**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.18: Trích sổ cái năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG Mẫu số S03b-DN
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI

Năm 2016
Tên tài khoản:Phải trả người bán
Số hiệu: 331

Đơn vị:VNĐ

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			**2.663.127.971**
…..	…….	….	……	……	…….	……..
21/03	HĐ165	21/03	Mua nút chai của công ty CP SX và TM Việt Cường	152 1331		19.200.000 1.920.000
22/03	HĐ166	21/03	Mua Malt của công ty thương mại Nhật Minh	152 1331		250.000.000 25.000.000
…..	….	….	……..	……..	…….	…….
17/05	GBN089	17/05	Thanh toán tiền hàng cho công ty CP SX và TM Việt Cường	1121	21.120.000	
..	…..	….	……	….	…..	….
03/06	GBN095	03/06	Thanh toán tiền hàng cho công ty thương mại Nhật Minh	1121	275.000.000	
…..	…..	….	…….	……	…….	……..
			Cộng số phát sinh		**15.711.968.423**	**55.309.561.680**
			Số dư cuối kỳ			**42.260.721.228**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu 2.19: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT CƯỜNG

Năm 2016

Đơn vị:VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					**840.200.000**
….	…	……	……	…..	……..	…..	…	……..
22/03	HĐ165	22/03	Mua nút chai của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Việt Cường	152 1331		19.200.000 1.920.000		859.400.000 861.320.000
……	……	……	……	….	……	……	.....	……..
17/05	GBN089	17/05	Thanh toán tiền hàng cho công ty cổ phần sản xuất và thương mại việt cường	1121	21.200.000			1.254.460.000
…..	….	…..	……..	….	……	……	…..	…
			Cộng số phát sinh		**1.115.296.143**	**2.264.720.143**		
			Số dư cuối kỳ					**1.989.624.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký,ghi rõ họ tên) **(Ký,ghi rõ họ tên)** **(Ký,ghi rõ họ tên)**

Biểu 2.20: Trích sổ chi tiết thanh toán với người bán năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331
Đối tượng: CÔNG TY THƯƠNG MẠI NHẬT MINH
Năm 2016

Đơn vị:VNĐ

Ngày,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					**623.070.000**
….	…	……	……	…..	……..	…..	…	……..
22/03	HĐ166	22/03	Mua Malt của công ty thương mại Nhật Minh	152 1331		250.000.000 25.000.000		873.070.000 898.070.000
……	……	……	……	….	……	…….	.....	……..
03/06	GBN095	03/06	Thanh toán tiền hàng cho công ty thương mại Nhật Minh	1121	275.000.000			2.165.243.000
…..	….	…..	……..	….	……	……	…..	…
			Cộng số phát sinh		**1.764.982.157**	**4.395.599.657**		
			Số dư cuối kỳ					**3.253.687.500**

Biểu 2.21: Trích bảng tổng hợp thanh toán với người bán năm 2016

Đơn vị:Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

Địa chỉ:Thị trấn Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị:VNĐ

STT	MÃ HÀNG	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ DƯ ĐẦU KÌ		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	3311.01	Phải trả ngắn hạn cho công ty cổ phần sản xuất và thương mai Việt Cường	840.200.000	0	1.115.296.143	2.264.720.143	1.989.624.000	
2	3311.02	Phải trả ngắn hạn cho công ty thương mại Nhật Minh	623.070.000	0	1.764.982.157	4.395.599.657	3.253.687.500	0
....	……	…….	……..	……	……	…..	…..	…
		Tổng	**2.663.127.971**		**41.576.076.424**	**1.978.483.167**	**42.260.721.228**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

3.1.Đánh giá thực trạng công ty kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

Cũng như các công ty sản xuất khác, công ty cổ phần HABECO Hải Phòng luôn mong muốn để lại ấn tượng tốt trong lòng khách hàng cũng như nhà cung cấp. Để đáp mong muốn đó thì ngoài chất lượng sản phẩm cũng như các đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm trễ và phải luôn linh hoạt, khéo léo.

3.1.1. Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung,bố trí hợp lý, chặt chẽ, đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả, hoạt động có nề nếp với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, trình độ nghiệp vụ kế toán của cán bộ kế toán luôn luôn được nâng cao.

Về hình thức sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ "Nhật Ký chung". Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công ty. Công tác tính toán, xử lý thông tin phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: Công ty đã sử dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán ban đầu được chính xác và công tác kiểm tra đối chiếu sau này được thuận lợi.

Việc tổ chức bảo quản, lưu trữ chứng từ khoa học, đầy đủ dễ kiểm tra kiểm soát tạo điều kiện cung cấp thông tin kịp thời chính xác.

Nhìn chung công ty đã xây dựng được hệ thống kế toán và công tác luân chuyển chứng từ phù hợp với công ty rất hoàn chỉnh và chặt chẽ giữa phòng kế toán và các phòng ban khác.

Về hệ thống tài khoản: Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản theo đúng thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính, đồng thời công ty cũng có tài khoản chi tiết cho tài khoản 131 và tài khoản 331 để tạo

thuận lợi cho việc theo dõi tình hình thanh toán với người mua, người bán. Việc này giúp kế toán vừa có thể theo dõi chi tiết từng đối tượng vừa có thể theo dõi tổng hợp tình hình thanh toán trên toàn công ty.

Công tác kế toán thanh toán: Công tác thanh toán nợ được đánh giá chung là tốt. Công ty thường không để dư nợ quá hạn mà sẽ thu xếp thanh toán , chi trả đúng hạn, kịp thời và đầy đủ.

Trong mọi quan hệ thanh toán nợ phải trả nhà cung cấp, công ty thực hiện tốt. Đây là một điểm tốt tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, từ đó gián tiếp tạo cho quá trình kinh doanh của công ty luôn được tiếp tục, thực hiện thanh toán đúng thời hạn hợp đồng kinh tế với khách hàng ngay cả thời điểm phục hồi sau khủng hoảng kinh tế trong năm vừa qua.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác kế toán, các nhân viên kế toán luôn nỗ lực hết mình trong công việc. Tuy nhiên tổ chức kế toán thanh toán của công ty cũng không tránh khỏi những hạn chế.

Thứ nhất: Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng. Dẫn đến việc chưa khuyến khích các khách hàng của công ty thanh toán sớm, ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn của công ty.

Thứ hai: Đối với các khoản nợ ngoài việc cố gắng để thu hồi thì công ty chưa đưa ra biện pháp nào để xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo hướng có lợi nhất cho công ty, trong khi với tình hình kinh tế như hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toàn có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi.

Thứ ba: Công ty chưa có biện pháp sát sao và hiệu quả nhằm tăng cường quản lý công nợ.

Hiện nay công ty chưa lập hồ sơ theo dõi từng khách hàng. Dẫn đến hạn chế trong việc quản lý thông tin khách hàng như việc kinh doanh của khách hàng có đúng ngành nghề kinh doanh đã đăng ký hay không, việc đăng ký tài khoản ngân hàng với cơ quan thuế. Từ đó có thể xảy ra việc nhận hóa đơn không hợp pháp hợp lệ hoặc thanh toán sai quy định.

Công ty chưa có biện pháp thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ gây khó khăn trong việc quản lý, kiểm soát các khoản nợ của khách hàng với công ty.

Công ty chưa có biện pháp xử lý khách hàng chậm thanh toán so với thời hạn trên hợp đồng kinh tế, ảnh hưởng tới vòng quay vốn lưu động của công ty.

3.2.Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, đối với mỗi doanh nghiệp đây không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức. Thách thức đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu để tồn tại. Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không phù hợp.

Doanh nghiệp phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán thanh toán nói chung trong đó công tác kế toán thanh toán để phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Tổ chức tốt công tác hạch toán các nghiệp vụ thanh toán góp phần nâng cao hiêu quả công tác kế toán nói chung cũng như làm lành mạnh hóa công tác tài chinh của một doanh nghiệp. Đối với các cơ quan quản lý cấp trên, việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán còn tạo ra những thông tin, số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán, người mua tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy dịnh của nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính xác chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra, kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

Hoàn thiện công tác thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính trong công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ, không cung cấp kịp thời nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đói tượng quan tâm khác.

Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể gây ảnh hưởng đến việc xử lý các tình huống xấu có thể xảy ra trong doanh nghixệp. Còn đối với các đối tượng quan tâm bên ngoài doanh nghiệp như ngân hàng, nhà đầu tư mà không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư, đồng thời để lại ấn tượng không tốt cho việc kinh doanh sau này.

Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được thì phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất cứ một giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nào đưa ra cũng phải tính đến những chi phí bỏ ra như chi phí lương nhân viên, chi phí tài chính và những hiệu quả mang lại từ việc áp dụng nó. Chỉ khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí thì lúc đó phương án mới được thực hiện.

Việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán phải đảm bảo tuân thủ những yêu cầu trên thì mới đạt hiệu quả cao, hỗ trợ cho công tác quản trị doanh nghiệp nói chung và quản lý tài chính nói riêng.

3.4. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua người bán tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng

3.4.1. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho doanh nghiệp hạn chế tối đa số tổn thất phải chịu khi có một khách hàng xảy ra sự cố không thể đòi nợ được.

Căn cứ để trích lập dự phòng là dựa vào văn bản pháp luật là thông tư số 228//2009/TT-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

Nợ khó đòi hay gọi là nợ xấu, đó là các khoản nợ dưới chuẩn, có thể quá hạn và bị nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn của chủ nợ, điều này thường xảy ra khi các con nợ đã tuyên bố phá sản hoặc tẩu tán tài sản. Nợ xấu gồm các khoản nợ quá hạn trả lãi hoặc gốc, thường quá ba tháng. Căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng để hạch toán các khoản vay vào các nhóm thích hợp, gồm có:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng…) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

+ Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Việc trích lập dự phòng như thế này sẽ hạch toán theo tài khoản 2293, đây là tài khoản dùng để phản ánh tính hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán.

Tài khoản sử dụng: TK 2293- dự phòng phải thu khó đòi.

Kết cấu tài khoản: TK 2293- dự phòng phải thu khó đòi.

Bên nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra. Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán dự phòng phải thu khó đòi

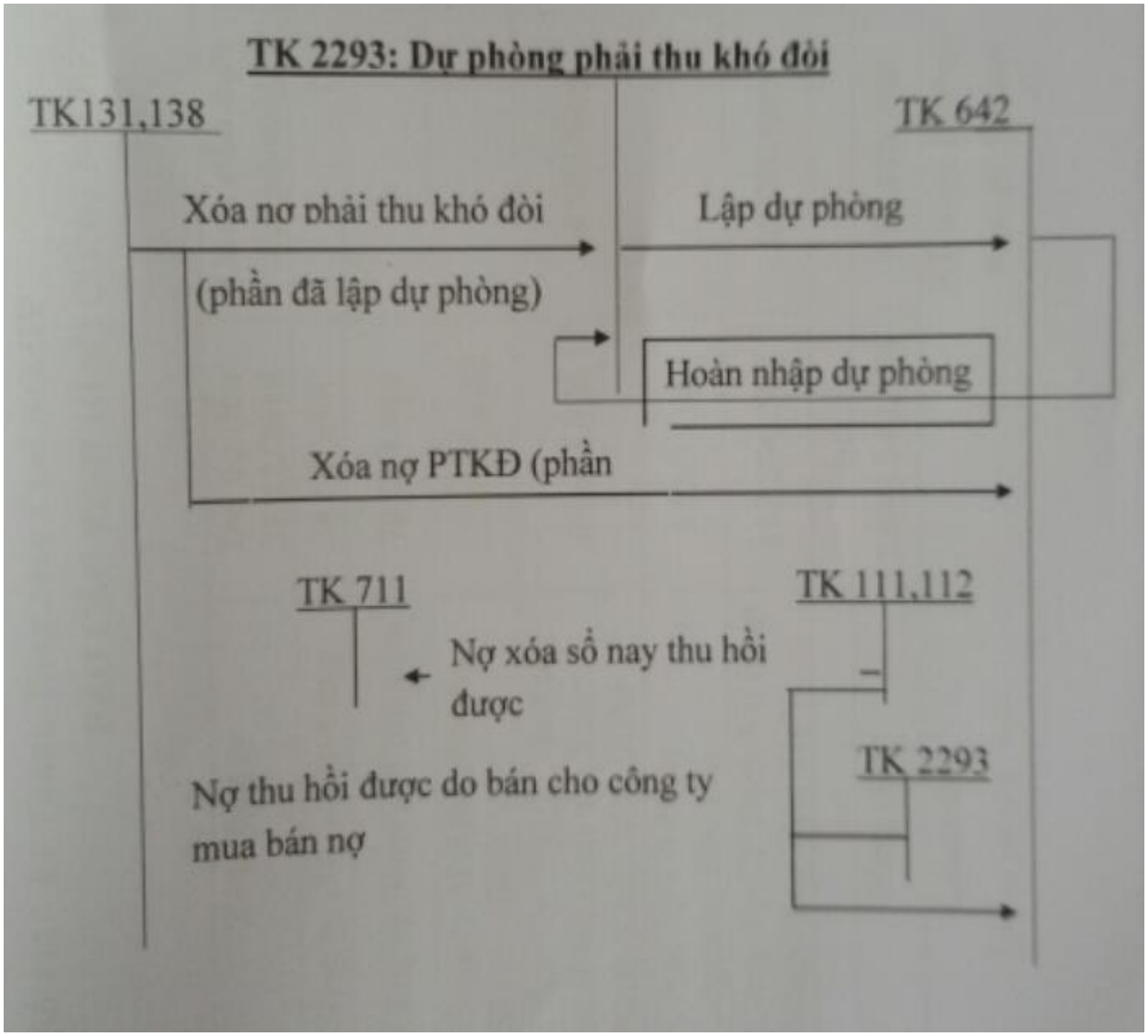

Biểu 3.1: Báo cáo tình hình công nợ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2016

STT	Tên công ty	Dư nợ đến 31/12/2016	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Châu Thủy	125.064.423	26/01/2016	26/03/2016	3 tháng	
2	Công ty cổ phần Minh Châu	623.154.983	08/02/2016	08/06/2016	4 tháng 6 ngáy	
3	Công ty cổ phần Hưng Thịnh	241.582.191	17/04/2016	17/07/2016	4 tháng 4 ngày	
....	.....	.....	.....	.....	.....	
	Tổng	1.678.956.138				

Biểu 3.2: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty cổ phần Châu Thủy	125.064.423	3 tháng	30%	37.519.326
2	Công ty cổ phần Minh Châu	623.154.983	4 tháng 6 ngày	30%	186.946.495
3	Công ty cổ phần Hưng Thịnh	241.582.191	4 tháng 4 ngày	30%	72.474.657
	Tổng	989.801.597			296.940.478

Dựa vào thời hạn thanh toán nợ trong hợp đồng giữa công ty với đối tác, kế toán tính được thời gian quá hạn của từng đối tượng, sau đó tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Căn cứ vào số liệu trên kế toán ghi định khoản

Nợ TK 642: 296.940.478

Có TK 229: 296.940.478

Đồng thời kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào Sổ Nhật ký chung, sổ cái.

3.4.2. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi suất ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào chính sách kinh doanh của doanh nghiệp

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán nên dựa theo lãi suất tiền gửi ngân hàng mà công ty đang mở tài khoản, tỷ lệ chiết khấu nên chia thành nhiều mức căn cứ vào số ngày mà khách hàng thanh toán sớm.

Hiện tại lãi suất tiền gửi ngân hàng AGRIBANK là 7%/năm. Công ty đưa ra tỷ lệ chiết khấu thanh toán là 6,5% để khuyến khích khách hàng tham gia thanh toán sớm.

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635- Chi phí tài chính

Số tiền CKTT= Số tiền thanh toán sớm x Tỷ lệ chiết khấu

+ Phương pháp hạch toán:
+ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

- Nợ tài khoản 635-Chi phí tài chính
- Có tài khoản 131,111,112…..

+ Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang Tk 911

- Nợ Tk 911-Xác định kết quả kinh doanh
- Có Tk 635- Chi phí tài chính

Ví dụ: Ngày 8/02/2016 bán cho công ty cổ phần Minh Châu 2000 két bia với số tiền là 550.000.000. Thời hạn thanh toán là 8/03/2016. Đến ngày 29/02/2016 công ty cổ phần Ninh Ngân đã thanh toán toàn bộ tiền hàng bằng chuyển khoản. Vậy công ty Bia-Rượu-Nước giải khát đã thanh toán sớm 10 ngày nên đước hưởng mức chiết khấu là 0.018%

Số tiền chiết khấu thanh toán = 275.000.000 x 0.018% x 10 = 990.000đ

Định khoản:

Nợ Tk 635: 990.000

Có Tk 112: 990.000

Cuối kì kết chuyển doanh thu tài chính sang Tk 911

Nợ TK 911: 990.000

Có Tk 635: 990.000

3.4.3. sử dụng phần mềm kế toán và quản lý khách hàng

❖ Quản lý khách hàng:

Đối với khách hàng chậm thanh toán, doanh nghiệp cần phải lập hồ sơ theo dõi cho khách hàng. Đồng thời có một số biện pháp nhắc nhở như gửi thư, gọi điện nhắc nhở về việc thanh toán chậm của khách hàng. Ngoài ra có thể áp dụng đánh vào kinh tế của khách hàng như đặt mốc phát về phần trăm giá trị của lô hàng.....

❖ Sử dụng phần mềm kế toán:

Phần mềm kế toán là hệ thống các chương trình máy tính dùng để xử lý tự động các thông tin kế toán trên máy tính, là một công cụ ghi chép, lưu trữ, tính toán và tổng hợp trên cơ sở các dữ liệu đầu vào là các chứng từ gốc. Nó phải đáp ứng nhu cầu quản trị kế toán của doanh nghiệp cũng như đáp ứng các quy định về sổ sách kế toán của nhà nước.

Một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán là không phải tốn quá nhiều thời gian giống như khi sử dụng hệ thống kế toán cũ. Kế toán là một quá trình liên quan đến chi tiết. Nó liên quan đến các quy định , luật pháp, thuế và nhiều tính toán phức tạp khác. Một phần mềm kế toán đã được thiết kế phù hợp với quy định, luật pháp, thuế….. hiện hành giúp doanh nghiệp luôn tuân thủ luật pháp. Hơn nữa, nó giúp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp. Điều doanh nghiệp cần làm Là nhập dữ liệu và in kết quả.

Một số phần mềm kế toán được sử dụng trong doanh nghiệp:

- Phần mềm kế toán Misa
- Phần mềm kế toán Fast Acounting
- Phần mềm kế toán LinkQ
- Phần mềm kế toán 3S Acounting
- ……

❖ **Phần mềm kế toán Misa**

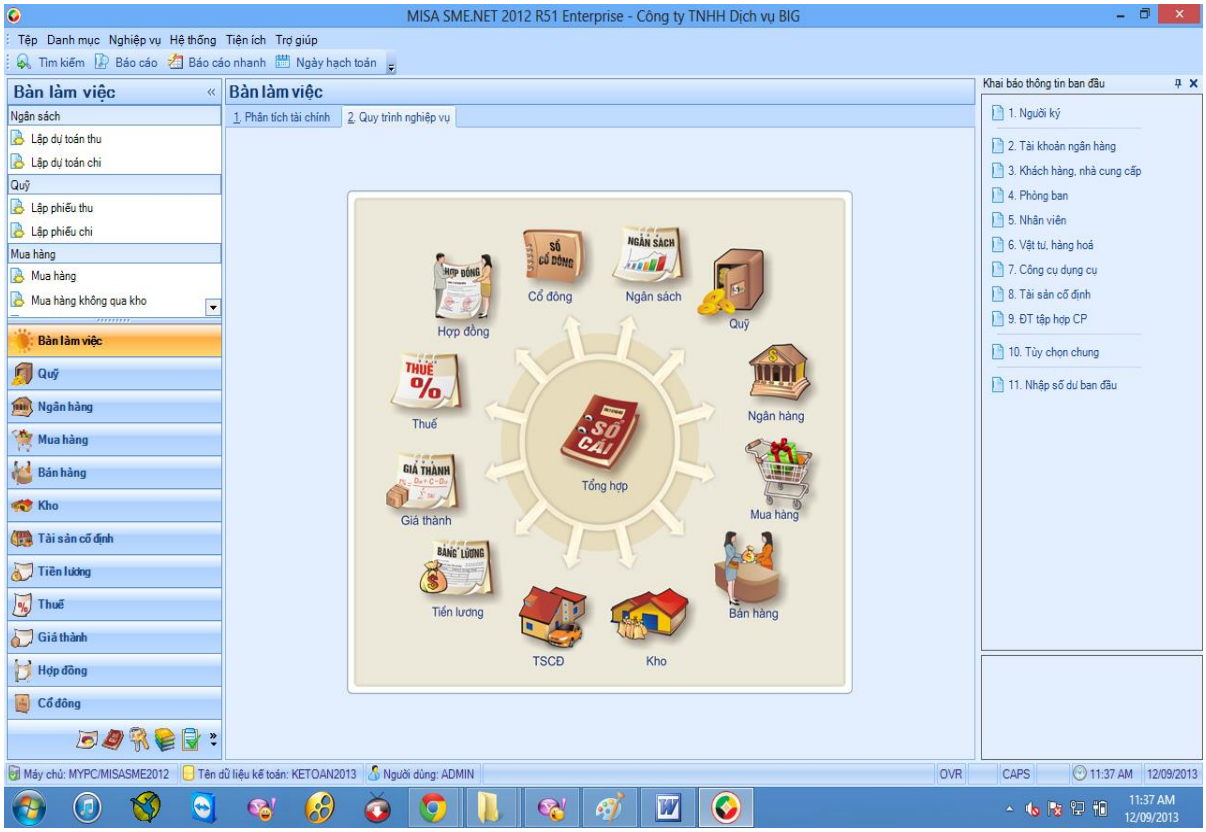

❖ **Phần mềm kế toán fast Acounting**

❖ **Phần mềm kế toán LinkQ**

❖ **Phần mềm kế toán 3S Acounting**

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, viêc tổ chức kế toán thanh toán đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần HABECO Hải Phòng cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán thanh toán của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót , em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thế Chi (2013), *Giáo trình kế toán tài chính,* Nhà xuất bản Tài chính.
2. Đặng Thị Loan (2011), *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp,* Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân.
3. Thông tư 200 (2014), Nhà xuất bản tài chính
4. Công ty cổ phần HABECO Hải Phòng, tài liệu kế toán (2016)